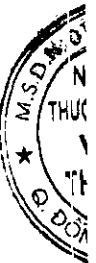


**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập- Tự do – Hạnh phúc**  
☆☆☆

**ĐIỀU LỆ**  
**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN**  
**VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG**

**T11/2021**



## MỤC LỤC

<b>NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG .....</b>	<b>4</b>
Điều 1. Giải thích từ ngữ.....	4
Điều 2. Tên, hình thức, con dấu, trụ sở chính, mạng lưới và thời hạn hoạt động.....	7
Điều 3. Mục tiêu, lĩnh vực và phạm vi hoạt động.....	7
Điều 4. Các hoạt động chính.....	7
Điều 5. Lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của VPBank.....	11
Điều 6. Hoạt động Ngân hàng điện tử.....	11
Điều 7. Kinh doanh Bất động sản .....	11
<b>CHƯƠNG II:.....</b>	<b>11</b>
<b>VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ ĐÔNG, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU .....</b>	<b>11</b>
<b>MỤC I: VỐN ĐIỀU LỆ .....</b>	<b>11</b>
Điều 8. Vốn điều lệ .....	11
Điều 9. Thay đổi vốn điều lệ.....	12
<b>MỤC II: CỔ ĐÔNG .....</b>	<b>12</b>
Điều 10. Cổ đông .....	12
Điều 11. Quyền của cổ đông.....	13
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông.....	16
Điều 13. Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán và xác lập danh sách cổ đông .....	16
<b>MỤC III: CỔ PHẦN .....</b>	<b>17</b>
Điều 14. Cổ phần.....	17
Điều 15. Giới hạn sở hữu cổ phần.....	17
Điều 16. Bán cổ phần.....	18
Điều 17. Thu hồi cổ phần.....	19
Điều 18. Chuyển nhượng cổ phần.....	20
Điều 19. Mua lại cổ phần, cổ phiếu .....	20
Điều 20. Thừa kế cổ phần .....	23
<b>MỤC IV: CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU .....</b>	<b>23</b>
Điều 21. Cổ phiếu .....	23
Điều 22. Phát hành trái phiếu.....	24
<b>CHƯƠNG III: .....</b>	<b>24</b>
<b>CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ VPBANK.....</b>	<b>24</b>
<b>MỤC I: CÁC QUY ĐỊNH CHUNG.....</b>	<b>25</b>
Điều 23. Bộ máy quản lý và người đại diện theo pháp luật.....	25
Điều 24. Hệ thống kiểm soát nội bộ.....	25
Điều 25. Kiểm toán nội bộ .....	26
Điều 26. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ .....	26

Điều 27.	Những trường hợp không được cùng đảm nhiệm chức vụ.....	28
Điều 28.	Đương nhiên mất tư cách .....	28
Điều 29.	Bãi nhiệm, miễn nhiệm .....	29
Điều 30.	Đình chỉ, tạm đình chỉ .....	30
Điều 31.	Việc bầu, bổ nhiệm.....	30
Điều 32.	Công khai các lợi ích có liên quan .....	31
Điều 33.	Quyền và nghĩa vụ chung của người quản lý, người điều hành của VPBank .....	31
Điều 34.	Giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị chấp thuận.....	32
Điều 35.	Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc .....	33
<b>MỤC II: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....</b>		<b>34</b>
Điều 36.	Đại hội đồng cổ đông .....	34
Điều 37.	Nhiệm vụ và quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông.....	35
Điều 38.	Họp Đại hội đồng cổ đông .....	36
Điều 39.	Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	38
Điều 40.	Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông .....	38
Điều 41.	Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông.....	39
Điều 42.	Mời họp Đại hội đồng cổ đông.....	39
Điều 43.	Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	40
Điều 44.	Thế thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....	40
Điều 45.	Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	42
Điều 46.	Thẩm quyền và thế thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản .....	44
Điều 47.	Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	46
Điều 48.	Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	47
<b>MỤC III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....</b>		<b>47</b>
Điều 49.	Thành phần, cơ cấu và nhiệm kỳ Hội đồng quản trị .....	47
Điều 50.	Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị .....	48
Điều 51.	Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị .....	49
Điều 52.	Quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị .....	52
Điều 53.	Quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị.....	54
Điều 54.	Thông qua quyết định của Hội đồng quản trị .....	55
Điều 55.	Thế thức họp Hội đồng quản trị .....	55
Điều 56.	Thế thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản.....	58
Điều 57.	Người phụ trách quản trị VPBank.....	58
<b>MỤC IV: BAN KIỂM SOÁT .....</b>		<b>59</b>
Điều 58.	Ban kiểm soát .....	59
Điều 59.	Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát .....	60
Điều 60.	Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng Ban Kiểm soát .....	62
Điều 61.	Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Ban Kiểm soát.....	63
Điều 62.	Thông qua quyết định của Ban kiểm soát .....	64
Điều 63.	Cuộc họp và lấy ý kiến bằng văn bản của thành viên Ban kiểm soát .....	64
<b>MỤC V: TỔNG GIÁM ĐỐC .....</b>		<b>66</b>
Điều 64.	Tổng Giám đốc.....	66

Điều 65. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc .....	67
Điều 66. Giúp việc cho Tổng Giám đốc .....	68
<b>MỤC VI: NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN.....</b>	<b>68</b>
Điều 67. Người lao động và công đoàn.....	68
<b>CHƯƠNG IV:.....</b>	<b>68</b>
<b>CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN, THÔNG TIN-BÁO CÁO.....</b>	<b>68</b>
<b>MỤC I: CÁC QUY ĐỊNH CHUNG.....</b>	<b>68</b>
Điều 68. Chế độ tài chính, năm tài chính.....	69
Điều 69. Hệ thống kế toán.....	69
Điều 70. Báo cáo .....	69
Điều 71. Kiểm toán độc lập.....	70
Điều 72. Sử dụng vốn.....	70
<b>MỤC II: TRÍCH LẬP CÁC QUỸ VÀ PHÂN CHIA LỢI NHUẬN.....</b>	<b>71</b>
Điều 73. Trích lập các quỹ .....	71
Điều 74. Chia cổ tức.....	71
<b>MỤC III: CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO .....</b>	<b>72</b>
Điều 75. Thông tin và bảo mật thông tin .....	72
Điều 76. Báo cáo và công bố thông tin ra công chúng .....	73
Điều 77. Chế độ lưu giữ tài liệu .....	73
<b>CHƯƠNG V: .....</b>	<b>73</b>
<b>GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN .....</b>	<b>73</b>
Điều 78. Giải quyết tranh chấp nội bộ .....	74
Điều 79. Tổ chức lại.....	74
Điều 80. Giải thể .....	74
Điều 81. Áp dụng can thiệp sớm.....	75
Điều 82. Kiểm soát đặc biệt và phá sản .....	75
<b>CHƯƠNG VI:.....</b>	<b>76</b>
<b>ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH .....</b>	<b>76</b>
Điều 83. Hiệu lực của Điều lệ.....	76
Điều 84. Điều khoản cuối cùng.....	76

## CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Giải thích từ ngữ

1. Trong Điều lệ này, trừ trường hợp ngữ cảnh cụ thể có quy định khác, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:
  - a) “*Pháp luật*”: là các Bộ luật, Luật, Pháp lệnh, Nghị định, Quyết định, Thông tư và các văn bản quy phạm pháp luật khác quy định tại Luật Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật.
  - b) “*Luật các tổ chức tín dụng*”: là Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được Quốc hội nước Việt Nam thông qua ngày 16/06/2010 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2011 và Luật sửa đổi, bổ sung Luật các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017.
  - c) “*Luật Doanh nghiệp*”: là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021.
  - d) “*Luật Chứng khoán*”: là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019.
  - e) “*Ngân hàng Nhà nước*”: là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
  - f) “*VPBank*”: là Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng.
  - g) “*Ngày thành lập*”: có nghĩa là ngày mà VPBank được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.
  - h) “*Vốn pháp định*”: là vốn tối thiểu theo quy định của luật pháp để thành lập và hoạt động ngân hàng.
  - i) “*Vốn điều lệ*”: là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập VPBank và được ghi tại Điều 8 của Điều lệ này<sup>1</sup>.
  - j) “*Cổ đông lớn*”: là cổ đông sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 5% vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của VPBank.
  - k) “*Cổ phiếu*”: là chứng chỉ do VPBank phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của VPBank.
  - l) “*Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán*”: Là danh sách bản cứng hoặc thư mục dữ liệu lưu trữ thông tin về tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần của VPBank do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam quản lý.
  - m) “*VSD*”: Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.
  - n) “*Công ty con của VPBank*”:<sup>2</sup> là doanh nghiệp có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập bằng vốn tự có và thuộc một trong các trường hợp sau:

<sup>1</sup> Khoản 34 Điều 4 Luật Doanh nghiệp

<sup>2</sup> Khoản 30 Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng (“Luật các TCTD”)

- VPBank hoặc VPBank và Người có liên quan sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc trên 50% vốn cổ phần có quyền biểu quyết;
  - VPBank có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên hoặc Giám đốc (Tổng Giám đốc) của Công ty đó;
  - VPBank có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty đó;
  - VPBank và Người có liên quan của VPBank trực tiếp hay gián tiếp thông qua nghị quyết hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của Công ty đó.
- o) “*Người điều hành VPBank*”: bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh và các chức danh tương đương của VPBank.<sup>3</sup>
- p) “*Người quản lý VPBank*”: bao gồm Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc.<sup>4</sup>
- q) “*Người có liên quan*”: là tổ chức, cá nhân có quan hệ với một tổ chức, cá nhân khác nếu thuộc một trong các trường hợp sau:<sup>5</sup>
- Công ty mẹ với công ty con và ngược lại; tổ chức tín dụng với Công ty con của tổ chức tín dụng và ngược lại; các công ty có cùng công ty mẹ với nhau; các Công ty con của cùng tổ chức tín dụng với nhau; người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của Công ty mẹ hoặc của tổ chức tín dụng, cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người này với công ty con và ngược lại;
  - Công ty hoặc tổ chức tín dụng đối với người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của công ty hoặc tổ chức tín dụng đó hoặc với Công ty, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người đó và ngược lại;
  - Công ty hoặc tổ chức tín dụng đối với tổ chức, cá nhân sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại công ty hoặc tổ chức tín dụng đó và ngược lại;
  - Cá nhân với vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em của người này;
  - Công ty hoặc tổ chức tín dụng đối với người có quan hệ thân thuộc (theo khái niệm nêu trên) của người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của công ty hoặc tổ chức tín dụng đó và ngược lại;
  - Cá nhân được ủy quyền đại diện cho những người quy định tại các gạch đầu dòng trên đây đối với tổ chức, cá nhân ủy quyền; các cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp của cùng một tổ chức với nhau.

<sup>3</sup> Khoản 32 Điều 4 Luật các TCTD

<sup>4</sup> Khoản 31 Điều 4 Luật các TCTD

<sup>5</sup> Khoản 28 Điều 4 Luật các TCTD, Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp

- Pháp nhân, cá nhân khác có mối quan hệ tiềm ẩn rủi ro cho hoạt động của VPBank được xác định theo quy định nội bộ của VPBank hoặc theo yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước thông qua hoạt động thanh tra, giám sát đối với từng trường hợp cụ thể<sup>6</sup>.
  - r) “*Người có quan hệ gia đình bao gồm*”: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.<sup>7</sup>
  - s) “*Giấy tờ pháp lý của cá nhân*”: là một trong các loại giấy tờ sau đây: thẻ Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác.<sup>8</sup>
  - t) “*Giấy tờ pháp lý của tổ chức*”: là một trong các loại giấy tờ sau đây: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác.<sup>9</sup>
  - u) “*Thành viên độc lập Hội đồng quản trị*”: là thành viên Hội đồng quản trị đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Khoản e) Điều 50 của Điều lệ này.
  - v) “*Công ty liên kết của VPBank*”: là công ty trong đó VPBank hoặc VPBank và người có liên quan của VPBank sở hữu trên 11% vốn điều lệ hoặc trên 11% vốn cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là Công ty con của VPBank.
  - w) “*Địa chỉ liên lạc*”: là địa chỉ đăng ký trụ sở chính đối với tổ chức; địa chỉ thường trú hoặc nơi làm việc hoặc địa chỉ khác của cá nhân mà người đó đăng ký với doanh nghiệp để làm địa chỉ liên lạc.
  - x) Phương án cơ cấu lại tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt (sau đây gọi là phương án cơ cấu lại) là một trong các phương án sau đây<sup>10</sup>:
    - Phương án phục hồi;
    - Phương án sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp;
    - Phương án giải thể;
    - Phương án chuyển giao bắt buộc;
    - Phương án phá sản.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế của chúng.
  3. Các tiêu đề (Chương, Mục, Điều) trong Điều lệ này được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc theo dõi và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
  4. Các từ ngữ, thuật ngữ, khái niệm chưa được định nghĩa trong Điều lệ này, sẽ được hiểu

<sup>6</sup> Khoản 1, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng 2017.

<sup>7</sup> Khoản 22, Điều 4 Luật Doanh nghiệp

<sup>8</sup> Khoản 16, Điều 4 Luật Doanh nghiệp

<sup>9</sup> Khoản 17, Điều 4 Luật Doanh nghiệp

<sup>10</sup> Khoản 2, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng 2017.

theo các quy định pháp luật có liên quan.

## **Điều 2. Tên, hình thức, con dấu, trụ sở chính, mạng lưới và thời hạn hoạt động**

1. Tên Ngân hàng:
  - a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng.
  - b) Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: Vietnam Prosperity Joint Stock Commercial Bank
  - c) Tên viết tắt: VPBank.
2. Hình thức: VPBank thuộc loại hình Ngân hàng thương mại được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần, có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật Việt Nam.
3. Việc khắc, đăng ký, quản lý và sử dụng con dấu của VPBank thực hiện theo các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định nội bộ của VPBank.
4. Trụ sở chính:
  - a) Địa chỉ: Số 89 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội.
  - b) Điện thoại : 84-4-39288869 Fax: 84-4-39288867
  - c) Website : [www.vpbank.com.vn](http://www.vpbank.com.vn) Email: [vpb@hn.vnn.vn](mailto:vpb@hn.vnn.vn)
5. Các đơn vị trực thuộc: VPBank có thể thành lập Công ty con, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp và các hình thức hiện diện thương mại khác ở trong nước và nước ngoài để thực hiện các mục tiêu hoạt động của VPBank phù hợp với quy định của pháp luật.
6. Thời hạn hoạt động của VPBank là chín mươi chín (99) năm kể từ ngày thành lập và có thể được gia hạn theo quy định của pháp luật.

## **Điều 3. Mục tiêu, lĩnh vực và phạm vi hoạt động**

1. Mục tiêu của VPBank là trở thành một Ngân hàng bán lẻ hàng đầu trong số các ngân hàng thương mại cổ phần tại Việt Nam về quy mô hoạt động và thị phần, về chất lượng dịch vụ, trên cơ sở đó tạo ra mức lợi nhuận cao nhất cho các cổ đông, tạo việc làm ổn định và ngày càng phát triển cho người lao động, đóng góp tích cực cho Ngân sách Nhà nước, cho sự phát triển chung của kinh tế và cộng đồng xã hội.
2. VPBank hoạt động kinh doanh chính trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng, thực hiện các hoạt động kinh doanh theo Giấy phép do Ngân hàng Nhà nước cấp và các hoạt động kinh doanh khác phù hợp với quy định của pháp luật.

## **Điều 4. Các hoạt động chính<sup>11</sup>**

1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác;
2. Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:
  - a) Cho vay;

<sup>11</sup> Thông tư 17/2017/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 40/2011/TT-NHNN.



- b) Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;
  - c) Bảo lãnh ngân hàng;
  - d) Phát hành thẻ tín dụng;
  - e) Bao thanh toán trong nước;
  - f) Các hình thức cấp tín dụng khác sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.
3. Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.
  4. Cung ứng các dịch vụ thanh toán trong nước:
    - a) Cung ứng phương tiện thanh toán;
    - b) Thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;
  5. Mở tài khoản:
    - a) Mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
    - b) Mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác.
  6. Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia;
  7. Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn;
  8. Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư;
  9. Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ khác trên thị trường tiền tệ;
  10. Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp;
  11. Dịch vụ môi giới tiền tệ;
  12. Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, quy định của Chính Phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
  13. Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
  14. Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
  15. Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
  16. Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, gồm:

- a) Nhận ủy thác và ủy thác cho vay;
  - b) Ủy thác và nhận ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp, ủy thác và nhận ủy thác góp vốn, mua cổ phần;
  - c) Đại lý bảo hiểm;
  - d) Các hoạt động ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản khác theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
17. Kinh doanh và cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định từng thời kỳ<sup>12</sup>, bao gồm những dịch vụ sau:
- a) Dịch vụ kinh doanh và cung ứng dịch vụ ngoại hối cơ bản trên thị trường trong nước, bao gồm:
    - (i) Thực hiện các giao dịch mua bán ngoại tệ giao ngay;
    - (ii) Thực hiện các giao dịch mua, bán ngoại tệ kỳ hạn, giao dịch hoán đổi ngoại tệ, giao dịch quyền chọn mua, bán ngoại tệ;
    - (iii) Nhận tiền gửi, cho vay bằng ngoại tệ đối với các khách hàng không phải là tổ chức tín dụng;
    - (iv) Bao thanh toán và bảo lãnh bằng ngoại tệ;
    - (v) Phát hành, đại lý phát hành thẻ ngân hàng quốc tế, thanh toán, đại lý thanh toán thẻ ngân hàng quốc tế;
    - (vi) Cung cấp các dịch vụ chuyển tiền và thanh toán bằng ngoại tệ trên lãnh thổ Việt Nam; Dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ;
    - (vii) Mua, bán, chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác bằng ngoại tệ;
    - (viii) Giao cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác hoặc tổ chức kinh tế làm đại lý cung ứng một số dịch vụ ngoại hối, bao gồm dịch vụ đổi ngoại tệ, dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ;
    - (ix) Cung cấp các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản bằng ngoại hối; Nhận ủy thác cho vay bằng ngoại tệ;
    - (x) Đại lý phát hành giấy tờ có giá bằng ngoại tệ;
    - (xi) Cung ứng các dịch vụ tư vấn cho khách hàng về ngoại hối;
    - (xii) Mở tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ tại các ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác được phép hoạt động ngoại hối;

<sup>12</sup> Nội dung hoạt động ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế có thể thay đổi theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ.

- (xiii) Vay vốn, cho vay bằng ngoại tệ với các tổ chức tín dụng được phép khác, tổ chức tài chính trong nước;
  - (xiv) Gửi tiền, nhận tiền gửi bằng ngoại tệ với các tổ chức tín dụng được phép khác;
  - (xv) Mở tài khoản thanh toán cho tổ chức tín dụng nước ngoài;
  - (xvi) Nhận tiền gửi bằng ngoại tệ từ tổ chức tín dụng nước ngoài;
  - (xvii) Thực hiện các giao dịch phái sinh lãi suất liên quan đến ngoại hối trên thị trường trong nước theo văn bản hướng dẫn của Ngân hàng nhà nước.
  - (xviii) Thực hiện các giao dịch phái sinh khác liên quan đến ngoại hối trong trên thị trường trong nước khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã có văn bản hướng dẫn và VPBank đã được Ngân hàng Nhà nước cho phép thực hiện hoạt động phái sinh đó bằng đồng Việt Nam.
- b) VPBank được kinh doanh và cung ứng dịch vụ ngoại hối cơ bản trên thị trường quốc tế, bao gồm:
- (i) Thanh toán, chuyển tiền quốc tế;
  - (ii) Mua, bán ngoại tệ giao ngay trên thị trường quốc tế;
  - (iii) Thực hiện các giao dịch mua, bán ngoại tệ kỳ hạn, giao dịch hoán đổi ngoại tệ với tổ chức tài chính nước ngoài nhằm mục đích phòng ngừa, hạn chế rủi ro đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ kỳ hạn, giao dịch hoán đổi ngoại tệ đã giao kết và thực hiện với khách hàng trong nước;
  - (iv) Bao thanh toán quốc tế và bảo lãnh bằng ngoại tệ;
  - (v) Cho vay ra nước ngoài đối với khách hàng không phải là tổ chức tín dụng;
  - (vi) Gửi ngoại tệ ở nước ngoài (bao gồm tiền gửi có kỳ hạn và tiền gửi không kỳ hạn);
  - (vii) Thực hiện các giao dịch phái sinh lãi suất liên quan đến ngoại hối trên thị trường quốc tế đã theo văn bản hướng dẫn của Ngân hàng nhà nước.
  - (viii) Thực hiện các giao dịch phái sinh khác liên quan đến ngoại hối trong trên thị trường quốc tế khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã có văn bản hướng dẫn và VPBank đã được Ngân hàng Nhà nước cho phép thực hiện hoạt động phái sinh đó bằng đồng Việt Nam.
18. Kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh về tỷ giá, ngoại hối, tiền tệ, tài sản, tài chính khác trên thị trường trong nước và thị trên thị trường quốc tế sau khi được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận;
19. Kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.
20. Lưu ký chứng khoán;
21. Kinh doanh vàng miếng;

22. Ví điện tử;
23. Cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa;
24. Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ;
25. Mua, bán nợ;
26. Các hoạt động khác (sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận).

#### **Điều 5. Lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của VPBank**

1. VPBank được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.
2. VPBank có quyền thỏa thuận với khách hàng về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của VPBank theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 6. Hoạt động Ngân hàng điện tử**

VPBank được thực hiện các hoạt động kinh doanh qua việc sử dụng các phương tiện điện tử theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước về quản lý rủi ro và quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

#### **Điều 7. Kinh doanh Bất động sản**

VPBank không được kinh doanh bất động sản trừ các trường hợp sau đây:

1. Mua, đầu tư, sở hữu bất động sản để sử dụng làm trụ sở kinh doanh, địa điểm làm việc hoặc cơ sở kho tàng phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của VPBank;
2. Cho thuê một phần trụ sở kinh doanh chưa sử dụng hết, thuộc sở hữu của VPBank;
3. Nắm giữ bất động sản do việc xử lý nợ vay. Trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày quyết định xử lý tài sản bảo đảm là bất động sản, VPBank phải bán, chuyển nhượng hoặc mua lại bất động sản này để bảo đảm tỷ lệ đầu tư vào tài sản cố định và mục đích sử dụng tài sản cố định theo quy định của pháp luật.

### **CHƯƠNG II:**

## **VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ ĐÔNG, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU**

### **MỤC I: VỐN ĐIỀU LỆ**

#### **Điều 8. Vốn điều lệ**

1. Vốn điều lệ của VPBank tại thời điểm thông qua bản Điều lệ này là: 45.056.929.870.000 đồng (Bốn mươi năm nghìn không trăm năm mươi sáu tỷ chín trăm hai mươi chín triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng).
2. Vốn điều lệ của VPBank được hạch toán bằng đồng Việt Nam (VND).
3. VPBank phải bảo đảm mức Vốn điều lệ thực có không thấp hơn mức Vốn pháp định.

**Điều 9. Thay đổi vốn điều lệ<sup>13</sup>**

1. Việc thay đổi mức vốn điều lệ của VPBank phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện các thủ tục thay đổi.
2. Khi được chấp thuận thay đổi, VPBank phải:
  - a) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ của VPBank phù hợp với thay đổi đã được chấp thuận;
  - b) Đăng ký với cơ nhà nước có thẩm quyền;
  - c) Công bố nội dung thay đổi trên các phương tiện thông tin của Ngân hàng Nhà nước và một tờ báo viết hàng ngày trong 03 số liên tiếp hoặc báo điện tử của Việt Nam trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.
3. Vốn điều lệ của VPBank có thể được tăng từ các nguồn sau:
  - a) Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ; Quỹ thặng dư cổ phần; Lợi nhuận để lại và các quỹ khác theo quy định của pháp luật;
  - b) Phát hành cổ phiếu ra công chúng, phát hành cổ phiếu riêng lẻ, kể cả trường hợp cơ cấu lại nợ theo hình thức chuyển nợ thành vốn góp cổ phần theo thỏa thuận giữa VPBank và các chủ nợ;
  - c) Chuyển trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông;
  - d) Các nguồn khác theo quy định của pháp luật.
4. Các hình thức giảm vốn điều lệ của VPBank:
  - a) VPBank mua lại và hủy bỏ số lượng cổ phiếu quỹ có mệnh giá tương ứng với số vốn dự kiến được điều chỉnh giảm;
  - b) VPBank thu hồi và hủy bỏ số lượng cổ phiếu quỹ có mệnh giá tương ứng với số vốn dự kiến được điều chỉnh giảm;
  - c) Các hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật.

**MỤC II: CỔ ĐÔNG****Điều 10. Cổ đông**

1. Cổ đông là người sở hữu cổ phần của VPBank, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần mà họ nắm giữ.
2. Cổ đông chỉ được công nhận chính thức khi được ghi nhận trong Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán của VPBank do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSD) quản lý và cung cấp tại từng thời điểm cụ thể.
3. Việc cử người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức tại VPBank được thực hiện theo quy định dưới đây<sup>14</sup> và các quy định pháp luật khác có liên quan (nếu có):
  - a) Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức phải là cá nhân được ủy quyền

<sup>13</sup> Điều 29 Luật TCTD 2010, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 17/2017/QH14.

<sup>14</sup> Điều 14 Luật Doanh nghiệp.

bằng văn bản nhân danh cổ đông đó thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

b) Cổ đông là tổ chức có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền, số cổ phần sẽ được chia đều cho số người đại diện theo ủy quyền. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo bằng văn bản đến VPBank trong thời hạn sớm nhất và chỉ có hiệu lực đối với VPBank kể từ ngày VPBank nhận được thông báo. Văn bản ủy quyền phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông;
- Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ cổ phần tương ứng của mỗi người đại diện theo ủy quyền;
- Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân từng người đại diện theo ủy quyền;
- Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được ủy quyền;
- Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và của người đại diện theo ủy quyền.

c) Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp<sup>15</sup>;
- Cổ đông là công ty có phần vốn góp hay cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ không được cử vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của người quản lý và của người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty làm người đại diện theo ủy quyền tại công ty khác.

4. VPBank phải có tối thiểu 100 cổ đông và không hạn chế số lượng tối đa.

#### **Điều 11. Quyền của cổ đông<sup>16</sup>**

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:

- a) Tham dự và phát biểu ý kiến trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc theo hình thức khác do pháp luật quy định; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- b) Được nhận cổ tức theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

<sup>15</sup> Khoản 2 Điều 17 Luật doanh nghiệp

<sup>16</sup> Điều 115, 116, 117 Luật Doanh nghiệp, Điều 53 Luật các TCTD, Điều 10 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

- c) Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông tại VPBank trong trường hợp VPBank chào bán thêm chứng khoán ra công chúng theo hình thức phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu;
- d) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình đối với cổ phần chưa đăng ký lưu ký với VSD;
- e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ của VPBank, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- f) Được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại VPBank khi VPBank giải thể hoặc phá sản;
- g) Được chuyển nhượng cổ phần hoặc bán lại cổ phần cho VPBank theo quy định tại Điều lệ này và các quy định pháp luật có liên quan;
- h) Được ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình; người được ủy quyền không được ứng cử với tư cách của chính mình và chỉ được ủy quyền lại bằng văn bản cho người khác nếu được cổ đông đồng ý;
- i) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền sau đây:
- Xem xét tra, cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của VPBank;
  - Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp và theo quy định sau đây:
    - + Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
    - + Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính, đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của VPBank, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.
  - Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của VPBank khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số

lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của VPBank; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

j) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định dưới đây nhưng danh sách ứng cử viên phải được gửi tới Hội đồng quản trị theo thời hạn do Hội đồng quản trị quy định:

- Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm thoả mãn các điều kiện quy định để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
- Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát: cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa chín (09) ứng viên.

Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

k) Cổ đông phổ thông có các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết<sup>17</sup>:

- a) Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết có các quyền như cổ đông phổ thông, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;
- b) Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết không được chuyển nhượng cổ phần đó cho người khác, trừ trường hợp chuyển nhượng theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc thừa kế.

3. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức<sup>18</sup>:

- a) Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức có các quyền như cổ đông phổ thông, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;
- b) Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức không được biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, trừ trường hợp Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông làm thay đổi bất lợi về quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức.<sup>19</sup>

<sup>17</sup> Điều 116 Luật doanh nghiệp

<sup>18</sup> Điều 117 Luật doanh nghiệp

<sup>19</sup> Điều 117 Luật Doanh nghiệp, khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp



**Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông<sup>20</sup>**

1. Cổ đông của VPBank phải thực hiện các nghĩa vụ sau:
  - a) Thanh toán đủ số cổ phần cam kết mua trong thời hạn do VPBank quy định; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của VPBank trong phạm vi số vốn đã góp vào VPBank;
  - b) Không được rút vốn cổ phần đã góp ra khỏi VPBank dưới mọi hình thức dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của VPBank, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;
  - c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp, mua, nhận chuyển nhượng cổ phần tại VPBank; không sử dụng nguồn vốn do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng để mua, nhận chuyển nhượng cổ phần của VPBank; không được góp vốn, mua cổ phần của VPBank dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác theo quy định của pháp luật<sup>21</sup>;
  - d) Tuân thủ Điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ của VPBank;
  - e) Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị;
  - f) Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh VPBank dưới mọi hình thức để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác, thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.
  - g) Bảo mật các thông tin được VPBank cung cấp theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của VPBank; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được VPBank cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
2. Cổ đông nhận ủy thác đầu tư cho tổ chức, cá nhân khác phải cung cấp cho VPBank thông tin về chủ sở hữu thực sự của số cổ phần mà mình nhận ủy thác đầu tư trong VPBank; VPBank có quyền đình chỉ quyền cổ đông của các cổ đông này trong trường hợp phát hiện họ không cung cấp thông tin xác thực về chủ sở hữu thực sự các cổ phần.

**Điều 13. Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán và xác lập danh sách cổ đông<sup>22</sup>**

1. Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán:
  - a) VPBank đã thực hiện đăng ký lưu ký tập trung đối với danh sách người sở hữu chứng khoán của Ngân hàng với VSD từ thời điểm trở thành công ty niêm yết. Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.
  - b) Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán có các nội dung theo quy định của VSD trong từng thời kỳ.

<sup>20</sup> Điều 119 Luật Doanh nghiệp, Điều 54 Luật các TCTD

<sup>21</sup> Khoản 13 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng 2017

<sup>22</sup> Điều 64 Luật chứng khoán 2019; Quyết định số 03/QĐ-VSD về việc ban hành quy chế hoạt động đăng ký và chuyển quyền sở hữu chứng khoán

- c) Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán được quản lý, theo dõi, cập nhật tập trung bởi VSD. Các danh sách bản cứng, bản mềm được cung cấp tại các thời điểm theo yêu cầu của VPBank được lưu giữ tại trụ sở chính của VPBank. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông VPBank trong danh sách cổ đông này.
  - d) Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với VPBank hoặc các tổ chức có chức năng cập nhật để đăng ký cập nhật với VSD. VPBank không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.
  - e) VPBank phải cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong danh sách cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan theo quy định của VSD tại từng thời kỳ.
2. Xác lập danh sách cổ đông:
- a) Hội đồng quản trị quyết định cụ thể về thời điểm xác lập danh sách các cổ đông được hưởng các quyền của cổ đông và phải đảm bảo công bố thông tin theo đúng quy định để cổ đông có đủ thời gian để đăng ký những thay đổi về bản thân và số cổ phần mà mình sở hữu trước thời điểm nêu trên;
  - b) Các giao dịch chuyển nhượng cổ phần phát sinh trong khoảng thời gian từ sau ngày xác lập danh sách cổ đông đến ngày quyền của cổ đông được thực hiện, người chuyển nhượng là người được hưởng các quyền của cổ đông.

### MỤC III: CỔ PHẦN

#### Điều 14. Cổ phần

1. Một cổ phần của VPBank có mệnh giá là 10.000 đồng (Mười nghìn đồng).
2. Tại thời điểm thông qua Điều lệ này, toàn bộ cổ phần của VPBank là cổ phần phổ thông; tất cả các cổ đông của VPBank là cổ đông phổ thông.
3. Đối với cổ phần phổ thông được dùng làm tài sản cơ sở để phát hành chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết, được gọi là cổ phần phổ thông cơ sở.
4. Trường hợp cần thiết, VPBank có thể phát hành các loại cổ phần khác phù hợp với quy định của pháp luật.
5. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.

#### Điều 15. Giới hạn sở hữu cổ phần<sup>23</sup>

1. Đối với nhà đầu tư trong nước:
  - a) Một cổ đông cá nhân chỉ được sở hữu tối đa 5% Vốn điều lệ VPBank.
  - b) Một cổ đông là tổ chức chỉ được sở hữu tối đa 15% Vốn điều lệ của VPBank.
  - c) Cổ đông và những người có liên quan của cổ đông đó được sở hữu tối đa 20% vốn

<sup>23</sup> Điều 55 Luật các TCTD

điều lệ của VPBank.

- d) Cổ đông lớn của VPBank và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần từ 5% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng khác<sup>24</sup>.
  - e) Việc sở hữu cổ phần vượt quá các giới hạn nêu trên được thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật.
2. Đối với nhà đầu tư nước ngoài: Nhà đầu tư nước ngoài được mua cổ phần của VPBank:<sup>25</sup>
- a) Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một cá nhân nước ngoài không được vượt quá 5% vốn điều lệ của VPBank.
  - b) Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một tổ chức nước ngoài không được vượt quá 15% vốn điều lệ của VPBank trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này.
  - c) Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một nhà đầu tư chiến lược nước ngoài không được vượt quá 20% vốn điều lệ của VPBank.
  - d) Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một nhà đầu tư nước ngoài và người có liên quan của nhà đầu tư nước ngoài đó không được vượt quá 20% vốn điều lệ của VPBank.
  - e) Tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài không vượt quá 15% vốn điều lệ của VPBank. Giao cho Hội đồng quản trị quyết định tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài cụ thể trong phạm vi nêu trên phù hợp với quy định pháp luật, các điều kiện thực tế của thị trường và ngân hàng.
3. Tỷ lệ sở hữu quy định tại khoản 1, khoản 2 điều này bao gồm cả phần vốn ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác mua cổ phần.
4. Trường hợp các tổ chức, cá nhân nắm giữ trái phiếu chuyển đổi, sau khi chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu phải tuân thủ giới hạn sở hữu cổ phần tại Điều này.

#### **Điều 16. Bán cổ phần<sup>26</sup>**

1. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần trong số cổ phần được quyền bán. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:
  - a) Cổ phần bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở VPBank;
  - b) Cổ phần bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể do Hội đồng quản trị quyết định.
2. Trường hợp VPBank phát hành thêm cổ phần phổ thông và bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại VPBank, thì phải thực hiện theo quy định sau đây:
  - a) VPBank sẽ phải thực hiện công bố thông tin về ngày chốt danh sách cổ đông được

<sup>24</sup> Khoản 14, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng 2017.

<sup>25</sup> Điều 7 Nghị định 01/2014/NĐ-CP

<sup>26</sup> Điều 124, Điều 126 Luật Doanh nghiệp; Điều 56 Luật TCTD.

hưởng quyền mua cổ phần phát hành thêm. Sau đó sẽ thông báo bằng văn bản đến các cổ đông được hưởng quyền theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông chậm nhất 15 ngày trước ngày kết thúc thời hạn đăng ký mua cổ phần;

- b) Thông báo phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại VPBank; tổng số cổ phần dự kiến phát hành và số cổ phần cổ đông được quyền mua; giá bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của VPBank. Kèm theo thông báo phải có mẫu phiếu đăng ký mua do VPBank phát hành;
  - c) Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác;
  - d) Nếu phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về VPBank đúng hạn như thông báo thì cổ đông có liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua. Trường hợp số lượng cổ phần dự định phát hành không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết hoặc đã được đăng ký mua nhưng cổ đông/người mua không thanh toán đủ số tiền mua cổ phần thì số cổ phần dự kiến phát hành còn lại/không được thanh toán đủ sẽ do Hội đồng quản trị quản lý. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông của VPBank hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.
3. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và các thông tin họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của người mua là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối của người mua là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại; ngày đăng ký cổ phần được ghi đúng, ghi đủ vào Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của VPBank.
  4. Sau khi cổ phần được bán, VPBank sẽ phát hành và trao Giấy Chứng nhận sở hữu cổ phần cho người mua đối với cổ phần chưa lưu ký, hoặc các thông tin của cổ đông được ghi nhận trong Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán do VSD quản lý là đủ để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó tại VPBank. Đối với cổ phần đã lưu ký, cổ phiếu sẽ được hạch toán thẳng vào tài khoản lưu ký chứng khoán tại VSD theo đăng ký của cổ đông.

#### **Điều 17. Thu hồi cổ phần<sup>27</sup>**

1. VPBank có quyền thu hồi số cổ phần mà cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phần đó trong thời hạn do VPBank thông báo phù hợp với quy định của pháp luật.
2. Trình tự, thủ tục thu hồi cổ phần thực hiện theo quy định pháp luật.

<sup>27</sup> Điều 10 Điều lệ mẫu của Công ty đại chúng ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty đại chúng của Nghị định 155/2020/NĐ-CP (“Thông tư 116/2020TT-BTC”)

**Điều 18. Chuyển nhượng cổ phần<sup>28</sup>**

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và các quy định khi phát hành hoặc pháp luật có quy định khác.
2. Việc chuyển nhượng cổ phần của VPBank đã được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán và đăng ký tập trung tại VSD được thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
3. Đối với cổ phần đã được lưu ký tại VSD, việc chuyển quyền sở hữu cổ phần có hiệu lực vào ngày thực hiện bút toán ghi sổ trên tài khoản lưu ký chứng khoán tại VSD.

Đối với cổ phần đã đăng ký tập trung tại VSD nhưng chưa được lưu ký tại VSD, việc chuyển quyền sở hữu cổ phần có hiệu lực vào ngày ghi Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán do VSD quản lý.

4. Các trường hợp chuyển nhượng cổ phần của cổ đông VPBank sau đây phải được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi chuyển nhượng:
  - a) Các giao dịch mua bán của Cổ đông lớn;
  - b) Các giao dịch mua bán cổ phần dẫn đến Cổ đông lớn trở thành Cổ đông thường và ngược lại.
5. Cổ đông cá nhân, cổ đông pháp nhân có người đại diện là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ.
6. Trong thời gian đang xử lý các hậu quả theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, hoặc theo quyết định của Ngân hàng Nhà nước do trách nhiệm cá nhân, các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc không được chuyển nhượng cổ phần, trừ trường hợp các thành viên này:
  - a) Là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức bị sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, phá sản theo quy định pháp luật;
  - b) Bị bắt buộc chuyển nhượng cổ phần theo quyết định của Tòa án;
  - c) Chuyển nhượng cổ phần cho nhà đầu tư khác nhằm thực hiện phương án cơ cấu lại đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt<sup>29</sup>.
7. VPBank phải đăng ký thay đổi thông tin cổ đông đối với cổ đông sở hữu cổ phần chưa lưu ký với VSD trong Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán tại VSD theo yêu cầu của cổ đông có liên quan trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.<sup>30</sup>

**Điều 19. Mua lại cổ phần, cổ phiếu<sup>31</sup>**

<sup>28</sup> Điều 127 Luật Doanh nghiệp; Điều 29, Điều 56 Luật các TCTD, Điều 64 Luật chứng khoán.

<sup>29</sup> Khoản 15, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các TCTD 2017.

<sup>30</sup> Khoản 7 Điều 127 Luật doanh nghiệp

<sup>31</sup> Điều 132, 134 Luật doanh nghiệp, Điều 57 Luật các TCTD, Điều 36 Luật chứng khoán; Điều 73 Thông tư 200/2014/TT-BTC

1. VPBank mua lại cổ phiếu của chính mình phải đáp ứng các điều kiện sau đây:
  - a) Có quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua việc mua lại cổ phiếu để giảm vốn điều lệ, phương án mua lại, trong đó nêu rõ số lượng, thời gian thực hiện, nguyên tắc xác định giá mua lại;
  - b) Có đủ nguồn để mua lại cổ phiếu từ các nguồn sau đây: thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật;
  - c) Có công ty chứng khoán được chỉ định thực hiện giao dịch;
  - d) Đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật trong trường hợp VPBank thuộc ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện;
  - e) Không thuộc các trường hợp sau đây:
    - VPBank đang có nợ phải trả quá hạn căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán; trường hợp thời điểm dự kiến mua lại cổ phiếu quá 06 tháng kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính, việc xác định nợ quá hạn được căn cứ vào báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được kiểm toán;
    - VPBank đang trong quá trình chào bán, phát hành cổ phiếu để huy động thêm vốn;
    - Cổ phiếu của VPBank đang là đối tượng chào mua công khai;
    - VPBank đã thực hiện việc mua lại cổ phiếu của chính mình trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày báo cáo kết quả mua lại hoặc vừa kết thúc đợt chào bán, phát hành cổ phiếu để tăng vốn không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, phát hành.
  - f) Trừ trường hợp mua lại cổ phiếu tương ứng với tỷ lệ sở hữu trong VPBank hoặc mua lại cổ phiếu theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc mua lại cổ phiếu thông qua giao dịch thực hiện theo phương thức khớp lệnh, VPBank không được mua lại cổ phiếu của các đối tượng sau đây:
    - Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ theo quy định của Luật chứng khoán;
    - Người sở hữu cổ phiếu có hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
    - Cổ đông lớn của VPBank.
2. Mua lại cổ phần, cổ phiếu theo yêu cầu của cổ đông:
  - a) Cổ đông biểu quyết không thông qua quyết định về việc tổ chức lại VPBank hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại bản Điều lệ này có quyền yêu cầu VPBank mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu VPBank mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Trụ sở chính của VPBank trong thời hạn

- mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.
- b) VPBank phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu với mức giá do hai bên thỏa thuận. Trường hợp hai bên không thỏa thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác, hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. VPBank sẽ giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn một trong số ba tổ chức đó và lựa chọn này là quyết định cuối cùng.
3. Mua lại cổ phiếu của Người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của VPBank, mua lại cổ phiếu lẻ theo phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn của chủ sở hữu.
4. Việc mua lại cổ phần, cổ phiếu tại khoản 2, khoản 3 Điều này được miễn trừ điều kiện quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 1 Điều này.
5. Việc mua lại cổ phần của chính mình dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của VPBank thì phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.
6. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại:
- a) VPBank chỉ được quyền thanh toán cổ phần mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, VPBank vẫn bảo đảm các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng, vốn điều lệ không được thấp hơn mức vốn pháp định và các điều kiện liên quan khác do Ngân hàng Nhà nước quy định, thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.
- b) Cổ phần được mua lại theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải làm thủ tục giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị tính theo mệnh giá số cổ phiếu được mua lại trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phiếu.<sup>32</sup>
- c) Cổ phiếu được mua lại theo quy định tại Điều này được bán ra ngay sau khi mua lại trong các trường hợp sau đây:<sup>33</sup>
- VPBank mua lại cổ phiếu lẻ theo phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phương án phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu;
  - VPBank mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông.
- d) Việc mua lại theo Điều này các cổ phần đã lưu ký và niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và sàn giao dịch chứng khoán liên quan.
- e) Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại (nếu có) phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với VPBank.

<sup>32</sup> Khoản 5 Điều 36 Luật chứng khoán

<sup>33</sup> Khoản 7 Điều 36 Luật chứng khoán

- f) Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của VPBank giảm hơn 10% thì VPBank phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.
  - g) Các loại cổ phiếu quỹ do VPBank nắm giữ không được nhận cổ tức, không có quyền bầu cử hay tham gia chia phần tài sản khi VPBank giải thể. Khi chia cổ tức cho các cổ phần, các cổ phiếu quỹ đang do VPBank nắm giữ được coi là cổ phiếu chưa bán<sup>34</sup>.
7. Báo cáo mua lại cổ phiếu, công bố thông tin và thực hiện việc mua lại cổ phiếu: thực hiện theo quy định của pháp luật chứng khoán và các quy định của VPBank ban hành trong từng thời kỳ.

#### **Điều 20. Thừa kế cổ phần<sup>35</sup>**

1. Việc thừa kế cổ phần thực hiện theo quy định của Điều lệ này, Bộ luật Dân sự, Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan.
2. Sau khi thực hiện xong tất cả các thủ tục thừa kế và xuất trình đầy đủ các giấy tờ chứng minh tư cách thừa kế hợp pháp, người thừa kế thực hiện các thủ tục đăng ký các loại cổ phần được thừa kế với VPBank. Trên cơ sở hồ sơ nhận được, VPBank thực hiện đăng ký thông tin người thừa kế tại Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán của VPBank tại VSD. Người thừa kế trở thành cổ đông của VPBank tại ngày được VSD ghi nhận vào danh sách cổ đông, được hưởng các quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông tính trên số cổ phần mà họ được thừa kế phù hợp với quy định tại Điều lệ này và các quy định của pháp luật có liên quan.
3. Người thừa kế cổ phần của các cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý khác không đương nhiên được thừa kế quyền nắm giữ các chức danh đó.

### **MỤC IV: CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU**

#### **Điều 21. Cổ phiếu<sup>36</sup>**

1. Cổ phiếu VPBank là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của VPBank. Cổ phiếu có thể là bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử. Cổ phiếu của VPBank được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam và đăng ký lưu ký tập trung tại VSD. Thông tin đăng ký trên cổ phiếu gồm:
  - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của VPBank;
  - b) Số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
  - c) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
  - d) Mệnh giá mỗi cổ phần;

<sup>34</sup> Theo điểm a khoản 1 Điều 73 quy định về cổ phiếu quỹ tại Thông tư 200/2014/TT-BTC

<sup>35</sup> Hồ sơ chuyển quyền sở hữu theo thừa kế được quy định tại Điều 27 Quyết định 03/QĐ-VSD quyết định về việc ban hành quy chế hoạt động đăng ký và chuyển quyền sở hữu chứng khoán.

<sup>36</sup> Điều 121 Luật Doanh nghiệp, Điều 58 Luật các TCTD, khoản 2 Điều 4 Luật chứng khoán 2019.



- e) Danh sách người sở hữu chứng khoán bao gồm: Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, giấy tờ pháp lý của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý của cổ đông là tổ chức;
  - f) Mẫu Giấy chứng nhận Sở hữu cổ phần.
2. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do VPBank phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc VPBank phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra đối với VPBank.
  3. Cổ phiếu của VPBank không được sử dụng để cầm cố tại chính VPBank.
  4. Trường hợp phát hành cổ phiếu dưới hình thức chứng chỉ, thì trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cổ đông thanh toán đủ cổ phần cam kết mua VPBank phải phát hành cổ phiếu mới cho các cổ đông.
  5. Trường hợp Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần bị mất, bị hư hỏng, hoặc bị huỷ hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được VPBank cấp lại theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau đây:
    - a) Giấy chứng nhận thực sự đã bị mất, bị cháy hoặc bị huỷ hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì cổ đông cam đoan đã công bố thông tin trên các phương tiện có tính đại chúng trong vòng 15 ngày và nếu tìm lại được sẽ đem trả cho VPBank để tiêu huỷ;
    - b) Thông tin về Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị huỷ hoại dưới hình thức khác.
    - c) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần mới.

## **Điều 22. Phát hành trái phiếu<sup>37</sup>**

1. VPBank có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật nhưng phải tuân thủ các quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, Luật chứng khoán và các quy định pháp luật khác có liên quan
2. Đại hội đồng cổ đông có thẩm quyền thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, phương án phát hành trái phiếu kèm theo chứng quyền.
3. Hội đồng quản trị có thẩm quyền quyết định phương án phát hành trái phiếu trong nước, trái phiếu chào bán tại nước ngoài, trừ phương án phát hành trái phiếu thuộc thẩm quyền quy định của Đại Hội đồng cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này.
4. Thẩm quyền quyết định việc niêm yết trái phiếu thực hiện theo quy định của pháp luật.

## **CHƯƠNG III**

### **CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ VPBANK<sup>38</sup>**

<sup>37</sup>Khoản 3 Điều 20 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Điểm c Khoản 3 Điều 18 Luật Chứng khoán; Khoản 2 Điều 13 và Khoản 1 Điều 28 Nghị định 153/2020/NĐ-CP

**MỤC I: CÁC QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 23. Bộ máy quản lý và người đại diện theo pháp luật<sup>39</sup>**

1. Bộ máy quản lý của VPBank bao gồm:
  - a) Đại hội đồng cổ đông;
  - b) Hội đồng quản trị;
  - c) Ban kiểm soát;
  - d) Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc;
  - e) Các cơ quan, cá nhân khác theo quy định nội bộ của VPBank.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của VPBank.

**Điều 24. Hệ thống kiểm soát nội bộ<sup>40</sup>**

1. Hệ thống kiểm soát nội bộ là tập hợp các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ, cơ cấu tổ chức của VPBank, được xây dựng phù hợp với hướng dẫn của Ngân hàng nhà nước và được tổ chức thực hiện nhằm bảo đảm phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro và đạt được yêu cầu đề ra. Hệ thống kiểm soát nội bộ thực hiện giám sát của quản lý cấp cao, kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, đánh giá nội bộ về mức đủ vốn và kiểm toán nội bộ<sup>41</sup>.
2. VPBank phải xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ để bảo đảm các yêu cầu sau đây<sup>42</sup>:
  - a) Hiệu quả và an toàn trong hoạt động; bảo vệ, quản lý, sử dụng an toàn, hiệu quả tài sản và các nguồn lực;
  - b) Hệ thống thông tin tài chính và thông tin quản lý trung thực, hợp lý, đầy đủ và kịp thời;
  - c) Tuân thủ pháp luật và các quy chế, quy trình, quy định nội bộ.
  - d) Phù hợp với quy mô, điều kiện và mức độ phức tạp trong hoạt động kinh doanh của VPBank;
  - e) Có đủ nguồn lực về tài chính, con người, công nghệ thông tin để đảm bảo hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ;
  - f) Xây dựng, duy trì văn hóa kiểm soát, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp cho VPBank.
3. Hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ của VPBank phải được Kiểm toán nội bộ, tổ chức kiểm toán độc lập đánh giá định kỳ.
4. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện hoạt động kiểm soát, vận hành và duy trì hệ thống thông tin quản lý và cơ chế trao đổi thông tin; duy trì văn hóa kiểm soát và

<sup>38</sup>Chương III của Luật các TCTD; Điều 137 đến Điều 176 Luật Doanh nghiệp.

<sup>39</sup> Điều 137 Luật Doanh nghiệp.

<sup>40</sup> Điều 40 Luật các TCTD và Điều 3, Điều 5 Thông tư 13/2018/TT-NHNN.

<sup>41</sup> Khoản 1, Điều 3, Thông tư 13/2018/TT-NHNN.

<sup>42</sup> Khoản 2, Điều 40 Luật TCTD và Khoản 1, Điều 5, Thông tư 13/2018/TT-NHNN.

chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp; xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế về kiểm soát nội bộ theo yêu cầu, kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác; xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm quy định nội bộ và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và chịu trách nhiệm thực hiện các nội dung khác có liên quan về hệ thống kiểm soát nội bộ do Hội đồng quản trị quy định<sup>43</sup>.

#### **Điều 25. Kiểm toán nội bộ<sup>44</sup>**

1. Kiểm toán nội bộ là bộ phận chuyên trách thuộc Ban kiểm soát, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban kiểm soát, thực hiện kiểm toán nội bộ của VPBank.
2. Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá độc lập, khách quan đối với hệ thống kiểm soát nội bộ; đánh giá độc lập về tính thích hợp và sự tuân thủ quy định, chính sách nội bộ, thủ tục, quy trình đã được thiết lập trong tổ chức tín dụng; đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm tổ chức tín dụng hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.
3. Kết quả kiểm toán nội bộ phải được báo cáo kịp thời cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và gửi Tổng giám đốc.
4. Tổ chức hoạt động, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của bộ phận Kiểm toán nội bộ; chính sách và kế hoạch kiểm toán nội bộ; chế độ báo cáo và lưu hồ sơ tài liệu của bộ phận Kiểm toán nội bộ thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

#### **Điều 26. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ<sup>45</sup>**

1. Những người sau đây không được là Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc Công ty con của VPBank:
  - a) Người chưa thành niên; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
  - b) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án;
  - c) Người đã từng bị kết án về các tội xâm phạm an ninh quốc gia, các tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xóa án tích; người đã từng bị kết án về các tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;
  - d) Cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức; người quản lý từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp 50% vốn sở hữu nhà nước trở lên, trừ những người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp nhà nước tại VPBank;
  - e) Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại VPBank;

<sup>43</sup> Khoản 1, Điều 10, Thông tư 13/2018/TT-NHNN.

<sup>44</sup> Điều 41, Luật các TCTD.

<sup>45</sup> Điều 33 của Luật các TCTD.

- f) Đã từng bị bãi nhiệm chức danh Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban hoặc thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của VPBank;
- g) Đã từng bị VPBank xử lý kỷ luật với hình thức sa thải theo đúng quy định của pháp luật.
2. Cha mẹ (gồm cả cha, mẹ nuôi), vợ, chồng, con (gồm cả con nuôi), anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và vợ, chồng của những người này không được là Kế toán trưởng hoặc người phụ trách tài chính của VPBank.
3. Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc của VPBank:
- a) Thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này;
- b) Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;
- c) Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Giám đốc (Tổng giám đốc), Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát của doanh nghiệp, Chủ nhiệm và các thành viên Ban quản trị hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản vì lý do bất khả kháng;
- d) Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tại thời điểm doanh nghiệp bị đình chỉ hoạt động, bị buộc giải thể do vi phạm pháp luật nghiêm trọng, trừ trường hợp là đại diện theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm chấn chỉnh, củng cố doanh nghiệp đó;
- e) Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc của tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 37 của Luật các TCTD hoặc bị cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan pháp luật xác định người đó có sai phạm dẫn đến việc ngân hàng bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động;
- f) Người có liên quan, Người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc không được là thành viên Ban Kiểm soát của VPBank.<sup>46</sup>
- g) Người có liên quan, Người có quan hệ gia đình của Chủ tịch Hội đồng quản trị VPBank không được là Tổng giám đốc của VPBank.<sup>47</sup>
- h) Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng<sup>48</sup>.

<sup>46</sup> Điểm c khoản 1 Điều 169 Luật doanh nghiệp

<sup>47</sup> Điểm b khoản 5 Điều 162 Luật doanh nghiệp

<sup>48</sup> Khoản 6, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng 2017.

**Điều 27. Những trường hợp không được cùng đảm nhiệm chức vụ<sup>49</sup>**

1. Thành viên Hội đồng quản trị của VPBank:
  - a) Không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát của VPBank;
  - b) Không được đồng thời là người quản lý của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức tín dụng đó là Công ty con của VPBank;
  - c) Chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác<sup>50</sup>.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị của VPBank không được đồng thời là người điều hành của VPBank và người điều hành tổ chức tín dụng khác.
3. Thành viên Ban Kiểm soát của VPBank:
  - a) Không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành, nhân viên của VPBank hoặc Công ty con của VPBank; hoặc nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc của VPBank là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành hoặc là cổ đông lớn của doanh nghiệp đó;
  - b) Không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, người điều hành của doanh nghiệp mà thành viên Ban Kiểm soát của doanh nghiệp đó đang là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành tại VPBank.
4. Trưởng Ban Kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát, người quản lý của tổ chức tín dụng khác.
5. Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc VPBank không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là công ty con của VPBank. Phó Tổng Giám đốc của VPBank không được đồng thời là Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) của doanh nghiệp khác<sup>51</sup>.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc của VPBank không được đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) của doanh nghiệp khác.

**Điều 28. Đương nhiên mất tư cách<sup>52</sup>**

1. Các trường hợp đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc:
  - a) Mất năng lực hành vi dân sự hoặc chết;
  - b) Vi phạm quy định tại Khoản 3 Điều 26 Điều lệ này;
  - c) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông của VPBank khi tổ chức đó bị chấm dứt tư cách pháp nhân;

<sup>49</sup> Điều 34 Luật các TCTD.

<sup>50</sup> Khoản 3 Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

<sup>51</sup> Khoản 7, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng 2017.

<sup>52</sup> Điều 35 Luật các TCTD.

- d) Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;
  - e) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
  - f) VPBank bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;
  - g) Hợp đồng thuê Tổng Giám đốc hết hiệu lực.
2. Hội đồng quản trị của VPBank phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh về việc các đối tượng đương nhiên mất tư cách theo quy định tại Khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày xác định được đối tượng trên đương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; thực hiện các thủ tục bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo quy định của pháp luật.
3. Sau khi đương nhiên mất tư cách, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của VPBank phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

### **Điều 29. Bãi nhiệm, miễn nhiệm<sup>53</sup>**

1. Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban và thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của VPBank bị xem xét bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
- a) Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
  - b) Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 50 Điều lệ này (đối với Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị), Khoản 6 Điều 57 (đối với Trưởng ban và thành viên Ban Kiểm soát), Khoản 2 Điều 63 (đối với Tổng Giám đốc);
  - c) Có đơn xin từ chức gửi Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát của VPBank;
  - d) Thành viên độc lập Hội đồng quản trị không bảo đảm yêu cầu về tính độc lập;
  - e) Khi cơ quan có thẩm quyền bầu, bổ nhiệm xét thấy cần thiết;
  - f) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - g) Bị cơ quan quản lý nhà nước xác định là vi phạm nghiêm trọng các quy định tại Điều 32, Điều 33 Điều lệ này;
  - h) Bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác định là vi phạm quy định tại Điều lệ này và/hoặc các quy định của pháp luật trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao gây thiệt hại cho VPBank;
  - i) Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Ngân hàng với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
  - j) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát có thể bị miễn nhiệm bất cứ lúc nào theo quyết định của Đại hội

<sup>53</sup> Điều 36 Luật các TCTD.

đồng cổ đông.<sup>54</sup>

3. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị; Trưởng ban, thành viên Ban kiểm soát; Tổng giám đốc của VPBank phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.
4. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị VPBank phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước.
5. Trong thời hạn 24 giờ, VPBank phải công bố thông tin thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ<sup>55</sup>; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (VPBank cần nêu rõ về thời điểm các thông tin thay đổi có hiệu lực). Đồng thời, VPBank phải gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới.<sup>56</sup>

### Điều 30. Đình chỉ, tạm đình chỉ<sup>57</sup>

1. Ngân hàng Nhà nước có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch, các thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban, các thành viên Ban kiểm soát, người điều hành VPBank vi phạm quy định tại Điều 27 Điều lệ này, quy định khác của pháp luật có liên quan trong quá trình thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao; yêu cầu cơ quan có thẩm quyền miễn nhiệm, bầu, bổ nhiệm người thay thế hoặc chỉ định người thay thế nếu xét thấy cần thiết.
2. Ban kiểm soát đặc biệt có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị; Trưởng ban, thành viên Ban kiểm soát; người điều hành của VPBank bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt nếu xét thấy cần thiết.
3. Người bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều này phải có trách nhiệm tham gia xử lý các tồn tại và sai phạm có liên quan đến trách nhiệm cá nhân khi có yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát của VPBank hoặc Ban Kiểm soát đặc biệt.

### Điều 31. Việc bầu, bổ nhiệm<sup>58</sup>

1. Danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của VPBank phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi bầu, bổ nhiệm các chức danh này. Những người được

<sup>54</sup> Khoản 2 Điều 138, Điều 160, Điều 174 Luật Doanh nghiệp.

<sup>55</sup> Người nội bộ của công ty đại chúng, người nội bộ của quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng theo quy định tại khoản 45 Điều 4 Luật Chứng khoán: “Người nội bộ của doanh nghiệp là Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng thành viên, người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty bổ nhiệm; Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên), thành viên Ban kiểm toán nội bộ; thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin”

<sup>56</sup> Điểm 1 Khoản 1 Điều 11 Thông tư 96/2020/TT-BTC.

<sup>57</sup> Điều 37 Luật các TCTD.

<sup>58</sup> Điều 51 Luật các TCTD.

bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của VPBank phải thuộc danh sách đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận. Trình tự, thủ tục, hồ sơ đề nghị chấp thuận thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

2. VPBank phải thông báo cho Ngân hàng nhà nước danh sách những người được bầu, bổ nhiệm các chức danh theo quy định tại Khoản 1 Điều này trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày bầu, bổ nhiệm.

### **Điều 32. Công khai các lợi ích có liên quan<sup>59</sup>**

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người quản lý khác của VPBank phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với VPBank theo đúng quy định sau đây và các quy định pháp luật khác có liên quan:

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những người quản lý khác của VPBank phải công khai với VPBank các thông tin sau đây:
  - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần hoặc ủy quyền, ủy thác cho cá nhân, tổ chức khác đứng tên từ 5% vốn điều lệ trở lên;
  - b) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà mình và người có liên quan đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc).
2. Việc công khai thông tin quy định tại Khoản 1 Điều này và việc thay đổi thông tin liên quan phải được thực hiện bằng văn bản trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.
3. VPBank phải công khai thông tin quy định tại Khoản 1 Điều này định kỳ hằng năm cho Đại hội đồng cổ đông của VPBank và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của VPBank.
4. VPBank phải thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước các thông tin quy định tại Khoản 1 Điều này trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày VPBank nhận được thông tin công khai theo quy định tại khoản 2 Điều này<sup>60</sup>.

### **Điều 33. Quyền và nghĩa vụ chung của người quản lý, người điều hành của VPBank<sup>61</sup>**

1. Quyền chung của người quản lý, người điều hành của VPBank
  - a) Được hưởng thù lao, tiền lương và lợi ích khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan;
  - b) Được tham gia quản lý, điều hành hoạt động của VPBank trong phạm vi quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của VPBank và quy định của pháp luật có liên quan;

<sup>59</sup> Điều 39 Luật các TCTD.

<sup>60</sup> Khoản 8 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng 2017

<sup>61</sup> Điều 165 Luật Doanh nghiệp, Điều 38 Luật các TCTD



- c) Các quyền khác theo quy định tại Điều lệ này, quy định của VPBank và quy định của pháp luật có liên quan.
2. Nghĩa vụ chung của người quản lý, người điều hành của VPBank
- a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ VPBank, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, hoặc chủ sở hữu (đối với các Công ty con);
- b) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất vì lợi ích của VPBank, cổ đông của VPBank;
- c) Trung thành với lợi ích của VPBank và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của VPBank, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của VPBank để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác hoặc làm tổn hại tới lợi ích của VPBank, cổ đông của VPBank;
- d) Bảo đảm lưu trữ hồ sơ của VPBank để cung cấp được các số liệu phục vụ cho hoạt động quản lý, điều hành, kiểm soát mọi hoạt động của Ngân hàng, hoạt động thanh tra, giám sát, kiểm tra của Ngân hàng Nhà nước;
- e) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho VPBank về quyền lợi của mình có được ở các tổ chức khác, các giao dịch với tổ chức, cá nhân khác có thể gây xung đột với lợi ích của VPBank và chỉ tham gia vào giao dịch đó khi Hội đồng quản trị đã xem xét và chấp thuận;
- f) Không được cạnh tranh bất hợp pháp với VPBank hoặc tạo điều kiện cho bên thứ ba gây tổn hại lợi ích của VPBank;
- g) Không được tạo điều kiện để cá nhân mình hoặc người có liên quan của mình quy định tại Điểm q, Khoản 1, Điều 1 Điều lệ này vay vốn, sử dụng các dịch vụ ngân hàng khác của VPBank với những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn so với quy định chung của pháp luật và của VPBank;
- h) Không được tăng lương, thù lao, hoặc yêu cầu trả thưởng khi VPBank bị lỗ;
- i) Am hiểu về các loại rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng;
- j) Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới đền bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho VPBank và bên thứ ba.

**Điều 34. Giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị chấp thuận<sup>62</sup>**

1. Hợp đồng, giao dịch (trừ trường hợp bị pháp luật cấm hoặc hạn chế) giữa VPBank với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:
- a) Cổ đông lớn của VPBank và những người có liên quan của họ;
- b) Người đại diện ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ

<sup>62</sup> Điều 167 Luật Doanh nghiệp, Khoản 2 Điều 59 và Khoản 10 Điều 63 Luật các TCTD.

- thông của VPBank và những người có liên quan của họ;
- c) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc;
  - d) Người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của VPBank;
  - e) Doanh nghiệp là Công ty con, công ty liên kết của VPBank;
  - f) Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác của VPBank có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần;
  - g) Doanh nghiệp mà những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác của VPBank cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Các hợp đồng, giao dịch nêu tại Khoản 1 Điều này, nếu có giá trị lớn hơn 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của VPBank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. Trong trường hợp này, người đại diện VPBank ký Hợp đồng phải thông báo cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với Hợp đồng, giao dịch đó, đồng thời kèm theo dự thảo Hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết. Hợp đồng được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện trên 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp được quyền biểu quyết/lấy ý kiến bằng văn bản còn lại đồng ý.
  3. Các hợp đồng, giao dịch nêu tại Khoản 1 Điều này, nếu có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của VPBank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất trở xuống, thì phải được Hội đồng quản trị chấp thuận. Trong trường hợp này, người đại diện VPBank ký Hợp đồng phải thông báo cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với Hợp đồng, giao dịch đó, đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.
  4. Hợp đồng, giao dịch nêu tại Khoản 1 Điều này được ký kết, thực hiện mà chưa được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này, thì hợp đồng đó bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật. Các đối tượng có liên quan nêu tại Điểm a), b) c) và d) Khoản 1 Điều này và các cá nhân phía VPBank tham gia quyết định, ký kết, thực hiện các hợp đồng phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho VPBank các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng đó.
  5. VPBank thực hiện công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

**Điều 35. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, thành**

**viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc<sup>63</sup>**

1. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định trên cơ sở tình hình thực tế, hiệu quả kinh doanh của VPBank và đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật trong từng thời kỳ.
2. Tiền lương, thưởng và các lợi ích khác của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị xem xét, quyết định.
3. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị được trả theo quy định sau đây:
  - a) Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí;
  - b) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao.
4. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm Soát được thực hiện theo quy định sau đây:
  - a) Thành viên Ban Kiểm Soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;
  - b) Thành viên Ban Kiểm Soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
5. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị và tiền lương của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác và tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của VPBank theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của VPBank, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

**MỤC II: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG****Điều 36. Đại hội đồng cổ đông<sup>64</sup>**

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của VPBank.
2. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo uỷ quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật và phải tuân thủ quy định tại

<sup>63</sup> Điều 163, 172 Luật Doanh nghiệp.

<sup>64</sup> Điều 138 Luật Doanh nghiệp

Điều 10 Điều lệ này.

**Điều 37. Nhiệm vụ và quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông<sup>65</sup>**

1. Thông qua định hướng phát triển của VPBank;
2. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ VPBank;
3. Phê chuẩn quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, quy chế quản trị nội bộ;
4. Quyết định số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát từng nhiệm kỳ; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát phù hợp với các điều kiện và tiêu chuẩn quy định tại Điều lệ này và các quy định pháp luật có liên quan;
5. Quyết định mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 35 Điều lệ này;
6. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết. Đại hội đồng cổ đông quyết định hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập<sup>66</sup>;
7. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
8. Xem xét và xử lý theo thẩm quyền các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho VPBank và cổ đông của VPBank;
9. Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý điều hành của VPBank;
10. Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới của từng loại sẽ chào bán;
11. Thông qua việc mua lại cổ phần đã bán;
12. Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi;
13. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán; phương án phân phối lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của VPBank;
14. Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ quyền hạn được giao;
15. Quyết định thành lập Công ty con;
16. Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản VPBank;
17. Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác;

<sup>65</sup> Điều 138 Luật Doanh nghiệp, Điều 59 Luật các TCTD, khoản 4 Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

<sup>66</sup> Khoản 2 Điều 7 Thông tư 39/2011/TT-NHNN; điểm m khoản 2 Điều 138 Luật doanh nghiệp

phương án chuyển nhượng vốn đầu tư ra bên ngoài có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của VPBank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

18. Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản của VPBank có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của VPBank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
19. Chấp thuận các hợp đồng có giá trị trên 20% vốn điều lệ của VPBank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa VPBank với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), cổ đông lớn, người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của VPBank; công ty con, công ty liên kết của VPBank.
20. Quyết định giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của VPBank;
21. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật có liên quan.

### **Điều 38. Hội Đại hội đồng cổ đông<sup>67</sup>**

1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc họp bất thường; ít nhất mỗi năm họp một lần. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.
2. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính; trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Hình thức họp đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định của pháp luật có liên quan. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:
  - a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của VPBank;
  - b) Báo cáo tài chính hằng năm;
  - c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của từng thành viên Hội đồng quản trị;
  - d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của VPBank, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
  - e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng thành viên Ban Kiểm soát;
  - f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
  - g) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong vòng 60 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu hoặc ngày xảy ra một trong các trường hợp sau, nếu không thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với VPBank:
  - a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của VPBank;

<sup>67</sup> Điều 139, 140 Luật Doanh nghiệp; Điều 59, 60 Luật các TCTD.

- b) Số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật, bao gồm cả trường hợp không đủ số thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
  - c) Số thành viên của Hội đồng quản trị hoặc số thành viên của Ban Kiểm soát nhỏ hơn hai phần ba tổng số thành viên của nhiệm kỳ đó;
  - d) Theo yêu cầu bằng văn bản của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông của VPBank trở lên trong các trường hợp quy định tại Điểm i, Khoản 1 Điều 11 Điều lệ này. Văn bản yêu cầu triệu tập họp thực hiện theo quy định tại Điểm i, Khoản 1 Điều 11 Điều lệ này;
  - e) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
  - f) Theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước trong trường hợp xảy ra sự kiện ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của VPBank;
  - g) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật.
4. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với VPBank. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định này sẽ được VPBank hoàn lại.
5. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm i Khoản 1 Điều 11 Điều lệ này đã yêu cầu có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
6. Người triệu tập phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức Đại hội đồng cổ đông:
- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;
  - b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
  - c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
  - d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
  - e) Dự thảo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp, danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
  - f) Xác định thời gian và địa điểm họp;
  - g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định tại Điều lệ này và các quy định pháp luật có liên quan.
7. Chi phí hợp lý cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại

các khoản 3, 4, và 5 của Điều này sẽ được VPBank hoàn lại.

### **Điều 39. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông<sup>68</sup>**

1. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:
  - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
  - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết, tại cuộc họp;
  - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
  - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;
  - e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện điện tử khác do VPBank quy định/thông báo cho cổ đông trước Đại hội.
2. Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo ủy quyền theo quy định tại Điều 10 Điều lệ này thì ủy quyền người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.
3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản Văn bản ủy quyền theo mẫu của VPBank, trường hợp không theo mẫu của VPBank thì phải được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.
4. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.
5. Số lượng người đại diện theo ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông:
  - a) Cá nhân là cổ đông VPBank chỉ được ủy quyền cho tối đa 01 (một) người dự họp Đại hội đồng cổ đông.
  - b) Tổ chức là cổ đông của VPBank sở hữu dưới 10% tổng số cổ phần phổ thông được ủy quyền cho tối đa 01 (một) người dự họp Đại hội đồng cổ đông.
  - c) Tổ chức là cổ đông của VPBank sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên được ủy quyền cho tối đa 03 (ba) người dự họp Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 40. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông<sup>69</sup>**

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán của VPBank do VSD quản lý. Danh sách cổ đông có quyền dự

<sup>68</sup> Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

<sup>69</sup> Điều 141 Luật Doanh nghiệp.

họp Đại hội đồng cổ đông được lập khi có quyết định triệu tập và phải lập xong không quá mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, tỷ lệ sở hữu so với Vốn Điều lệ của từng cổ đông.<sup>70</sup>
3. Kể từ thời điểm công bố thông tin về ngày chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông, Cổ đông có quyền yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình đối với VPBank hoặc các đơn vị có chức năng cập nhật thông tin cổ đông với VSD. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao chép tên và địa chỉ liên lạc của mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của VPBank từng thời kỳ.

#### **Điều 41. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông<sup>71</sup>**

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết; chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông của VPBank trở lên có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến VPBank chậm nhất bảy (07) ngày làm việc<sup>72</sup> trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, số và ngày đăng ký cổ đông tại VPBank, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 2 Điều này thì chậm nhất hai (02) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị nếu có một trong các trường hợp sau đây:
  - a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều này;
  - b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - c) Kiến nghị của cổ đông không vì lợi ích chung của VPBank<sup>73</sup>.
4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

#### **Điều 42. Mời họp Đại hội đồng cổ đông<sup>74</sup>**

<sup>70</sup> Khoản 2 Điều 141 Luật Doanh nghiệp

<sup>71</sup> Điều 142 và khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

<sup>72</sup> Theo Điều 142 Luật Doanh nghiệp là 03 ngày nhưng cho phép Điều lệ được quy định khác.

<sup>73</sup> LDN cho phép Điều lệ bổ sung các trường hợp từ chối khác.

<sup>74</sup> Điều 143 Luật Doanh nghiệp.



1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai một (21) ngày<sup>75</sup> trước ngày khai mạc, cụ thể như sau:
  - a) Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông (bao gồm việc gửi thư điện tử, tin nhắn, thư qua đường bưu điện hoặc các phương thức phù hợp khác theo quy định của VPBank từng thời kỳ) và đăng trên trang thông tin điện tử của VPBank;
  - b) Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của VPBank; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông hoặc người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông; thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp (nếu có).
2. Kèm theo thông báo mời họp phải có mẫu chỉ định đại diện theo uỷ quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
3. Thông báo mời họp và các tài liệu gửi kèm theo sẽ được công bố trên trang thông tin điện tử của VPBank và của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.

#### **Điều 43. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông<sup>76</sup>**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông và/hoặc người được uỷ quyền họp pháp dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.
4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 42 Điều lệ này.

#### **Điều 44. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông<sup>77</sup>**

1. Việc bầu Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định như sau:
  - a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc uỷ quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu

<sup>75</sup> Khoản 1 Điều 143 Luật Doanh nghiệp

<sup>76</sup> Điều 145 Luật Doanh nghiệp.

<sup>77</sup> Điều 146 Luật Doanh nghiệp.

tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên Hội đồng quản trị làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp<sup>78</sup>;

- b) Trừ trường hợp khác quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
- c) Chủ tọa có quyền chỉ định thêm không quá hai người cùng tham gia điều hành cuộc họp;
- d) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
- e) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.<sup>79</sup>

## 2. Đăng ký dự họp:

- a) Vào ngày khai mạc cuộc họp, các cổ đông và người được ủy quyền dự họp phải có mặt tại địa điểm họp đúng thời gian đã được thông báo để làm thủ tục đăng ký dự họp. Khoảng thời gian dành cho việc đăng ký thực hiện theo thông báo mời họp;
- b) Người đăng ký dự họp sẽ được cấp thẻ biểu quyết hoặc phiếu biểu quyết tương ứng với số vấn đề cần biểu quyết trong chương trình họp;
- c) Hết thời gian dành cho việc đăng ký, nếu đã đủ tỷ lệ tối thiểu để tiến hành cuộc họp, Chủ tọa có thể cho bắt đầu cuộc họp để bảo đảm tiến độ, không cần phải chờ đến khi có đầy đủ các cổ đông có quyền dự họp;
- d) Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết các vấn đề ngay sau khi đăng ký. Trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi<sup>80</sup>.

3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề hoặc từng nhóm vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố trước khi

<sup>78</sup> Điểm a khoản 2 Điều 146 Luật doanh nghiệp

<sup>79</sup> Khoản 2 Điều 146 Luật Doanh nghiệp.

<sup>80</sup> Khoản 6 Điều 146 Luật Doanh nghiệp.

- bế mạc cuộc họp;
6. Trước và trong khi diễn ra cuộc họp, người triệu tập họp hoặc chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông có quyền:
    - a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
    - b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
  7. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp và chỉ được hoãn cuộc họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp các trường hợp sau đây:
    - a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
    - b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
    - c) Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;
    - d) Thời gian hoãn tối đa là ba ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.
  8. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.
  9. Trường hợp xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị có thể quyết định hình thức họp Đại Hội đồng cổ đông trực tuyến hoặc hình thức họp khác so với quy định tại Điều này. Đại Hội đồng cổ đông trực tuyến sẽ áp dụng các biện pháp công nghệ hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, biểu quyết thông qua bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc các hình thức điện tử khác. Hội đồng quản trị ban hành Quy chế về việc tham dự họp Đại Hội đồng cổ đông trực tuyến, biểu quyết thông qua hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc các hình thức điện tử khác.

#### **Điều 45. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:<sup>81</sup>
  - a) Thông qua định hướng phát triển của VPBank;
  - b) Quyết định số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát từng nhiệm kỳ;

<sup>81</sup> Khoản 4 Điều 59 Luật các TCTD;

- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát phù hợp với các điều kiện và tiêu chuẩn quy định tại Điều lệ này và các quy định pháp luật có liên quan;
- c) Xem xét và xử lý theo thẩm quyền các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho VPBank và cổ đông của VPBank;
  - d) Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản VPBank;
3. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi có đủ các điều kiện sau đây:
- a) Được số cổ đông đại diện trên 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp/lấy ý kiến bằng văn bản chấp thuận, trừ trường hợp quy định tại Điểm b, Điểm c Khoản này;
  - b) Đối với những vấn đề sau đây thì phải được số cổ đông đại diện trên 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết<sup>82</sup> của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận:
    - Sửa đổi, bổ sung Điều lệ của VPBank;
    - Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;
    - Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản của VPBank có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của VPBank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
    - Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản VPBank.
    - Thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi.<sup>83</sup>
  - c) Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới hoặc bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo quy định tại Quy chế bầu cử của VPBank từng thời kỳ.
4. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản<sup>84</sup>.
5. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực

<sup>82</sup> Điểm c khoản 3 Điều 59 Luật các TCTD quy định trên 65% hoặc một tỷ lệ khác cao hơn do Điều lệ quy định.

<sup>83</sup> Khoản 1 Điều 17 Điều lệ mẫu Công ty đại chúng ban hành kèm theo Thông tư 116/2020TT-BTC

<sup>84</sup> Khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp

tiếp và uỷ quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.

6. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.

#### **Điều 46. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản<sup>85</sup>**

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của VPBank. Việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có thể thực hiện thông qua hình thức gửi thư bảo đảm hoặc gửi thư điện tử từ địa chỉ thư điện tử của VPBank ([vanphonghdqt@vpbank.com.vn](mailto:vanphonghdqt@vpbank.com.vn)) đến địa chỉ thư điện tử của cổ đông đăng ký với VSD. Trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản theo hình thức gửi Phiếu ý kiến qua bưu điện hoặc thư điện tử thì thực hiện theo quy định từ Khoản 3 đến Khoản 10 Điều này.
2. Hội đồng quản trị có quyền quyết định việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có thể thực hiện thông qua hình thức bỏ phiếu điện tử. Trong trường hợp đó, việc lấy ý kiến bằng văn bản thông qua hình thức bỏ phiếu điện tử sẽ thực hiện theo quy chế do Hội đồng quản trị ban hành. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi đến cho cổ đông bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú (hoặc địa chỉ liên lạc khác mà cổ đông đăng ký trước với VPBank) của từng cổ đông có quyền biểu quyết, hoặc hoặc gửi thư điện tử từ địa chỉ thư điện tử của VPBank ([vanphonghdqt@vpbank.com.vn](mailto:vanphonghdqt@vpbank.com.vn)) đến địa chỉ thư điện tử của cổ đông đăng ký với VSD chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của VPBank;
  - b) Mục đích lấy ý kiến;
  - c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
  - d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
  - e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
  - f) Thời hạn phải gửi về VPBank phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
  - g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

<sup>85</sup> Điều 149 Luật Doanh nghiệp

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến/ý kiến đã trả lời đến công ty theo một trong các hình thức sau đây:
  - a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về VPBank phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.
  - b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử hoặc hình thức khác, phiếu lấy ý kiến/ý kiến gửi về VPBank phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
5. Các phiếu lấy ý kiến/ý kiến gửi về VPBank sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi thư điện tử đều không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến/ý kiến không được gửi về được coi là không tham gia biểu quyết.
6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý VPBank. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của VPBank;
  - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
  - c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
  - d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
  - e) Các quyết định đã được thông qua và tỉ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
  - f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.
7. Các thành viên Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;
8. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Tất cả các nghị quyết, quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng hình thức này phải được gửi tới Ngân hàng Nhà nước.
9. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của VPBank.
10. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

**Điều 47. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông<sup>86</sup>**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của VPBank;
  - b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
  - c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
  - d) Họ, tên của Chủ tọa và thư ký;
  - e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
  - f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
  - g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
  - h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
  - i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng tiếng Việt và có thể bằng một thứ tiếng nước ngoài, và hai bản này có giá trị pháp lý ngang nhau. Trường hợp hai biên bản này có sự khác biệt về nội dung thì nội dung trong biên bản được lập bằng tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.
4. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp.
6. Trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp, tất cả các quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua phải được gửi đến Ngân hàng Nhà nước.
7. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự

<sup>86</sup> Điều 150 Luật Doanh nghiệp; Điều 61 Luật các TCTD; Điều lệ mẫu của Công ty đại chúng ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

hợp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của VPBank. Việc công bố thông tin thực hiện theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán<sup>87</sup>.

#### **Điều 48. Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông<sup>88</sup>**

1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
  - a) Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều 45 Điều lệ này;
  - b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.
2. Trình tự, thủ tục giải quyết vụ việc tại cơ quan Tòa án, Trọng tài thực hiện theo các quy định pháp luật có liên quan.

### **MỤC III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 49. Thành phần, cơ cấu và nhiệm kỳ Hội đồng quản trị<sup>89</sup>**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị VPBank, có toàn quyền nhân danh VPBank để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của VPBank, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị của VPBank có tối thiểu năm (05) thành viên và tối đa mười một (11) thành viên; số lượng thành viên cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị phải là người không điều hành và thành viên độc lập, trong đó có tối thiểu một (01) thành viên độc lập. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể là thành viên độc lập.
3. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người là người đại diện vốn góp của một tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng quản trị, nhưng không được chiếm quá một phần ba (1/3) tổng số thành viên của Hội đồng quản trị, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước.
4. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của VPBank không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ

<sup>87</sup> Khoản 4 Điều 23 Điều lệ mẫu của Công ty đại chúng ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

<sup>88</sup> Điều 151 Luật Doanh nghiệp

<sup>89</sup> Điều 43, 62 Luật các TCTD, Điều 25 Thông tư 40/2011/TT-NHNN; Khoản 1, Điều 9 Thông tư 13/2018/TT-NHNN; Điều 154 Luật Doanh nghiệp



Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.<sup>90</sup>

5. Trường hợp cổ đông nước ngoài tham gia Hội đồng quản trị phải có thêm các điều kiện sau:
  - a) Tuân thủ quy định về những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ theo quy định của Điều lệ này và của pháp luật có liên quan;
  - b) Không được giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị của VPBank.
6. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị không đủ hai phần ba (2/3) tổng số thành viên của nhiệm kỳ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật thì trong thời hạn sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày không đủ số lượng theo quy định, VPBank phải tiến hành bổ sung đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định.
7. Hội đồng quản trị sử dụng con dấu của VPBank để thực hiện nhiệm vụ của mình.
8. Giúp việc cho Hội đồng quản trị có Thư ký hoặc Văn phòng Hội đồng quản trị. Chức năng, nhiệm vụ của bộ máy giúp việc cho Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị quy định.
9. Hội đồng quản trị được thành lập các Ủy ban, Hội đồng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cụ thể như sau:
  - a) Hội đồng quản trị phải thành lập Ủy ban Quản lý rủi ro, Ủy ban Nhân sự và quy định cơ chế phán quyết đối với các ý kiến đề xuất của hai Ủy ban này. Một ủy ban phải có tối thiểu ba (03) thành viên gồm trưởng ban là thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên khác do Hội đồng quản trị quyết định, bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định tại Điều lệ này. Mỗi ủy ban phải có ít nhất trên một phần hai (1/2) số thành viên có quyền biểu quyết là thành viên không phải người điều hành. Một thành viên Hội đồng quản trị chỉ được là trưởng ban của một ủy ban, Ủy ban Quản lý rủi ro phải có tối thiểu một (01) thành viên là thành viên độc lập Hội đồng quản trị.
  - b) Hội đồng quản trị quy định quy chế làm việc và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các Ủy ban trên và các ủy ban, Hội đồng khác phù hợp với quy định của Ngân hàng nhà nước và pháp luật có liên quan.

#### **Điều 50. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị<sup>91</sup>**

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
  - a) Không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

<sup>90</sup> Khoản 3 Điều 154 Luật Doanh nghiệp

<sup>91</sup> Điều 50 Luật các TCTD

- b) Thỏa mãn điều kiện quy định tại Điều 26, Điều 27 Điều lệ này;
  - c) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, có đạo đức nghề nghiệp trên cơ sở tuân thủ quy định tại Điều 32 và Điều 33 Điều lệ này;
  - d) Có bằng đại học trở lên;
  - e) Có ít nhất ba (03) năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất năm (05) năm là người quản lý, người điều hành của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng hoặc có ít nhất năm (05) năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán<sup>92</sup>.
2. Đối với thành viên độc lập Hội đồng quản trị, ngoài những tiêu chuẩn nêu tại khoản 1 Điều này, còn phải đáp ứng các điều kiện sau:
- a) Không phải là người đang làm việc cho VPBank hoặc Công ty con của VPBank hoặc đã làm việc cho VPBank hoặc Công ty con của VPBank bất kỳ thời gian nào trong ba (03) năm liền kề trước đó;
  - b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao thường xuyên của VPBank ngoài những khoản được hưởng theo tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị;
  - c) Không phải là người có vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh, chị, em ruột và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của VPBank, người quản lý hoặc thành viên Ban Kiểm soát của VPBank hoặc Công ty con của VPBank;
  - d) Không phải là người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của VPBank tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 năm liền kề trước đó.
  - e) Không trực tiếp, gián tiếp sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 1% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của VPBank;
  - f) Không cùng người có liên quan theo quy định tại Điểm q, Khoản 1, Điều 1 Điều lệ này sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của VPBank.

### **Điều 51. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị<sup>93</sup>**

1. Hội đồng quản trị có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:
  - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của VPBank;
  - b) Quyết định việc thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện, thành lập Đơn vị sự nghiệp và quyết định việc sửa đổi, bổ sung các nội dung liên quan tới việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp;

<sup>92</sup> Khoản 10, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng 2017

<sup>93</sup> Điều 153 Luật Doanh nghiệp; Điều 63 Luật các TCTD; Điều lệ mẫu của Công ty đại chúng và Khoản 1 Điều 12 Mẫu Quy chế Tổ chức hoạt động của Hội đồng quản trị ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

- c) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Thư ký Hội đồng quản trị; Giám đốc Chi nhánh, Công ty con, Đơn vị sự nghiệp, Trưởng Văn phòng đại diện và các chức danh khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị trên cơ sở quy định nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành. Hội đồng quản trị có thể phân cấp về thẩm quyền quyết định cụ thể trong phạm vi này, theo các quy định nội bộ của VPBank;
- d) Thông qua phương án huy động vốn; phương án sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn trong phạm vi thẩm quyền theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, các quy định pháp luật khác có liên quan;
- e) Thông qua phương án chuyển nhượng vốn đầu tư ra bên ngoài có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của VPBank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- f) Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của VPBank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- g) Cử người đại diện vốn góp của VPBank tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác;
- h) Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản có giá trị nhỏ hơn 20% so với vốn điều lệ của VPBank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất trên cơ sở đảm bảo các quy định về an toàn trong hoạt động VPBank. Hội đồng quản trị có thể phân cấp về thẩm quyền quyết định cụ thể trong phạm vi này, theo các quy định nội bộ của VPBank;
- i) Thông qua hợp đồng vay, cho vay có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của VPBank. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại Khoản 1 và Khoản 2, Điều 34 Điều lệ này. Hội đồng quản trị có thể phân cấp về thẩm quyền quyết định cụ thể trong phạm vi này, theo các quy định nội bộ của VPBank;
- j) Quyết định các hợp đồng giao dịch của VPBank quy định tại Khoản 3 Điều 34 Điều lệ này;
- k) Quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập theo ủy quyền của Đại Hội đồng cổ đông<sup>94</sup>;
- l) Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công; đánh giá hàng năm về hiệu quả làm việc của Tổng Giám đốc;
- m) Ban hành các Quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của VPBank phù hợp với các quy định của pháp luật, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát hoặc của Đại hội đồng cổ đông;
- n) Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của VPBank;

<sup>94</sup> Khoản 2 Điều 7 Thông tư 39/2011/TT-NHNN

- o) Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên;
- p) Lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật;
- q) Đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận các vấn đề theo quy định của pháp luật;
- r) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản VPBank;
- s) Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- t) Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của VPBank;
- u) Quyết định phương án phát hành trái phiếu của Ngân hàng (bao gồm cả trái phiếu chào bán tại nước ngoài), trừ trường hợp phát hành trái phiếu chuyển đổi;
- v) Quyết định mua lại cổ phần của VPBank theo quy định tại Điều lệ này và các quy định pháp luật có liên quan;
- w) Quyết định việc điều động vốn, điều chuyển tài sản giữa các đơn vị trong nội bộ VPBank hoặc giữa các Công ty thành viên độc lập của VPBank. Hội đồng quản trị có thể phân cấp về thẩm quyền quyết định cụ thể trong phạm vi này, theo các quy định nội bộ của VPBank;
- x) Trình báo cáo báo cáo tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
- y) Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- z) Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ những nội dung thuộc chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát;
- aa) Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị; chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- bb) Tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc của Hội đồng quản trị;
- cc) Thực hiện các nhiệm vụ, công việc do Đại hội đồng cổ đông phân công, phân cấp, giao cho theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- dd) Quyết định thanh lý những tài sản kém, mất phẩm chất; tài sản hư hỏng không có khả năng phục hồi; tài sản lạc hậu kỹ thuật không có nhu cầu sử dụng hoặc sử dụng không có hiệu quả và không thể nhượng bán nguyên trạng; tài sản đã sử dụng vượt quá thời gian sử dụng theo quy định mà không thể tiếp tục sử dụng. Hội đồng quản trị có thể phân cấp về thẩm quyền quyết định cụ thể trong phạm vi này, theo các quy định nội bộ của VPBank.

- ee) Quyết định mức bồi thường khi thực hiện xử lý tổn thất về tài sản tại VPBank. Hội đồng quản trị có thể phân cấp về thẩm quyền quyết định cụ thể trong phạm vi này, theo các quy định nội bộ của VPBank.
  - ff) Phê duyệt kế hoạch tài chính hàng năm theo đề xuất của Tổng Giám đốc;
  - gg) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm của công ty thành viên độc lập thuộc VPBank;
  - hh) Được VPBank mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và vi phạm các quy định tại Điều lệ này.
  - ii) Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ này và các quy định pháp luật có liên quan.
2. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, Điều lệ này hoặc nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông mà thiệt hại cho VPBank thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho VPBank; thành viên phản đối thông qua quyết định nêu trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông của VPBank có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.
3. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký. Thư ký có quyền và nghĩa vụ sau đây<sup>95</sup>:
- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
  - b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
  - c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị VPBank;
  - d) Hỗ trợ VPBank trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
  - e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều lệ này.

#### **Điều 52. Quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị<sup>96</sup>**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số thành viên Hội đồng quản trị đã được Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường

<sup>95</sup> Khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp

<sup>96</sup> Điều 156, Khoản 1 Điều 157 Luật Doanh nghiệp; Điều 64 Luật các TCTD.

hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị<sup>97</sup>. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải thường trú ở Việt Nam trong suốt nhiệm kỳ.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông,
- f) Đảm bảo các thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét;
- g) Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị;
- h) Giám sát các thành viên Hội đồng Quản trị trong việc thực hiện các công việc được phân công và các nhiệm vụ, quyền hạn chung;
- i) Đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên, các Ủy ban của Hội đồng quản trị tối thiểu mỗi năm 01 lần và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này;
- j) Thực hiện các nhiệm vụ, công việc do Đại hội đồng cổ đông phân công, phân cấp, giao cho theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; Nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- k) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại Điều lệ này;
- l) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm<sup>98</sup>.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nếu Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị cũng vắng mặt thì Chủ tịch có thể ủy quyền cho một thành viên Hội đồng quản trị khác. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn

<sup>97</sup> Khoản 1 Điều 157 Luật Doanh nghiệp

<sup>98</sup> Khoản 7 Điều 4 Mẫu Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và khoản 4 Điều 29 Điều lệ mẫu ban hành theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC

trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

### **Điều 53. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị<sup>99</sup>**

#### **1. Nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị:**

- a) Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của một thành viên Hội đồng quản trị theo đúng quy chế nội bộ của Hội đồng quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị một cách trung thực vì lợi ích của VPBank và cổ đông;
- b) Xem xét báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người quản trị, điều hành VPBank, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình các vấn đề có liên quan đến báo cáo;
- c) Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết về tất cả các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ này, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích. Chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng quản trị về những quyết định của mình;
- d) Triển khai thực hiện các quyết định của Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- e) Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi được yêu cầu;
- f) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của VPBank theo quy định của pháp luật.<sup>100</sup>
- g) Các nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và các quy định của pháp luật có liên quan.

#### **2. Quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị:**

- a) Bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- b) Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường theo quy định tại Điều lệ này;
- c) Yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc hoặc những người quản lý khác của VPBank cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của VPBank và của các Đơn vị, Công ty con VPBank<sup>101</sup>;
- d) Các quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ này và các quy định pháp luật có liên quan.

#### **3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội**

<sup>99</sup> Điều 65 Luật các TCTD; Điều 277 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

<sup>100</sup> Điểm đ khoản 2 Điều 277 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

<sup>101</sup> Điều 159 Luật Doanh nghiệp.

đồng quản trị.<sup>102</sup>

**Điều 54. Thông qua quyết định của Hội đồng quản trị<sup>103</sup>**

1. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định của VPBank từng thời kỳ<sup>104</sup>. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
2. Đối với trường hợp thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số phiếu biểu quyết tán thành, bao gồm cả phiếu biểu quyết của thành viên trực tiếp dự họp và phiếu biểu quyết của thành viên không trực tiếp dự họp mà biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của người chủ tọa cuộc họp.
3. Đối với trường hợp thông qua quyết định bằng lấy ý kiến bằng văn bản, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết tán thành.
4. Đối với trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.<sup>105</sup>
5. Bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị nào có liên quan đến một hợp đồng được nêu tại Điều 34 Điều lệ này sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng đó.
6. Thành viên Hội đồng quản trị nếu theo sự hiểu biết của mình thấy có liên quan dù là trực tiếp hay gián tiếp tới một hợp đồng, một thoả thuận hay một hợp đồng dự kiến hoặc một thoả thuận dự kiến giao kết với VPBank phải khai báo bản chất quyền lợi liên quan với Hội đồng quản trị để các thành viên Hội đồng quản trị còn lại xem xét việc có giao kết các hợp đồng hoặc thoả thuận đó không. Nếu như sau khi Hợp đồng, giao dịch đã được ký kết, thành viên Hội đồng quản trị mới biết về sự tồn tại quyền lợi đó của mình hay trong bất cứ trường hợp nào khác, thành viên đó phải thông báo cho Hội đồng quản trị ngay tại cuộc họp đầu tiên sau khi thành viên đó biết được đã có quyền lợi liên quan.

**Điều 55. Thể thức họp Hội đồng quản trị<sup>106</sup>**

1. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị do Chủ tịch triệu tập bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần. Hội đồng quản trị có thể họp tại trụ sở chính của VPBank hoặc ở nơi khác. Cuộc họp Hội đồng quản trị có thể bằng hình thức họp mặt, hoặc họp qua điện thoại (teleconference) hoặc họp qua video (videoconference).

<sup>102</sup> Khoản 3 Điều 277 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

<sup>103</sup> Điều 153 Luật Doanh nghiệp

<sup>104</sup> Điểm c khoản 9 Điều 157 Luật Doanh nghiệp .

<sup>105</sup> Khoản 10 Điều 157 Luật Doanh nghiệp

<sup>106</sup> Điều 157 Luật Doanh nghiệp.



2. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị. Cuộc họp Hội đồng quản trị này sẽ bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:
  - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
  - b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm người quản lý khác;
  - c) Có đề nghị của ít nhất hai thành viên của Hội đồng quản trị;
  - d) Các trường hợp các quy định tại Điều lệ này và các quy định pháp luật có liên quan.
4. Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với VPBank; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Khi triệu tập họp, người triệu tập họp phải gửi thông báo mời họp chậm nhất năm ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp được gửi bằng giấy mời, điện thoại, bưu điện, fax, thư điện tử, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại VPBank. Trường hợp khẩn cấp, người triệu tập họp có thể thông báo mời họp một ngày làm việc trước ngày họp; các tài liệu liên quan có thể được gửi cho các thành viên ngay tại cuộc họp. Cụ thể về các trường hợp họp khẩn cấp, thời gian và hình thức thông báo mời họp khẩn cấp được thực hiện theo quy định nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành.
6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
7. Trường hợp không trực tiếp dự họp, thành viên Hội đồng quản trị có quyền ủy quyền biểu quyết cho một thành viên Hội đồng quản trị khác hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản. Trường hợp biểu quyết bằng văn bản, phiếu biểu quyết phải đượm trong phong bì dán

- kín và phải được chuyển đến chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những thành viên trực tiếp dự họp.
8. Thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền cho người khác không phải là thành viên Hội đồng quản trị dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên hội đồng quản trị chấp thuận.
  9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
    - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
    - b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 8 Điều này;
    - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
    - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
    - e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ này.
  10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Hội đồng quản trị quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên Hội đồng quản trị khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.
  11. Biên bản họp Hội đồng quản trị<sup>107</sup>:
    - a) Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
      - Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
      - Mục đích, chương trình và nội dung họp; thời gian, địa điểm họp;
      - Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
      - Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp; tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
      - Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
      - Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
      - Họ, tên, chữ ký của chủ tọa, người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại Điểm e Khoản này.
    - b) Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách

<sup>107</sup> Điều 158 Luật Doanh nghiệp.

nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

- c) Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị phải được lập bằng tiếng Việt và có thể bằng một thứ tiếng nước ngoài, và hai bản này có giá trị pháp lý ngang nhau. Trường hợp hai biên bản này có sự khác biệt về nội dung thì nội dung trong biên bản được lập bằng tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
- d) Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của VPBank.
- e) Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại điểm a khoản 10 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

#### **Điều 56. Thẻ thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản**

Việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản được thực hiện thông qua giấy tờ vật lý, email hoặc các phương tiện, công cụ được chính sách và quy trình quản lý nội bộ VPBank chấp thuận, bao gồm nhưng không giới hạn bởi hệ thống quản lý hồ sơ văn bản, workflow điện tử... tại từng thời điểm.

#### **Điều 57. Người phụ trách quản trị VPBank<sup>108</sup>**

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị VPBank để hỗ trợ hoạt động quản trị VPBank được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị VPBank do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.
2. Người phụ trách quản trị VPBank phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:
  - a) Không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của VPBank;
  - b) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị VPBank khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị VPBank tùy từng thời điểm.
6. Người phụ trách quản trị VPBank có các quyền và nghĩa vụ sau:
  - a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa VPBank và cổ đông;
  - b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
  - c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
  - d) Tham dự các cuộc họp;

<sup>108</sup> Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

- e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f) Cung cấp các thông tin tài chính, biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của VPBank;
- h) Là đầu mối liên lạc giữa các bên có quyền lợi liên quan.
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ VPBank;
- j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ VPBank.

#### MỤC IV: BAN KIỂM SOÁT

##### Điều 58. Ban kiểm soát<sup>109</sup>

1. Ban Kiểm soát thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị.
2. Ban Kiểm soát của VPBank phải có tối thiểu ba (03) thành viên, không hạn chế tối đa, số lượng cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định; trong đó phải có ít nhất một phần hai (1/2) tổng số thành viên là chuyên trách không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại VPBank và các doanh nghiệp khác. Ban Kiểm soát bầu một thành viên làm Trưởng Ban.
3. Ban Kiểm soát có bộ phận giúp việc, bộ phận Kiểm toán nội bộ, được sử dụng các nguồn lực của VPBank, được thuê chuyên gia và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ của mình.
4. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát. Thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.
5. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.<sup>110</sup>
6. Trường hợp số thành viên Ban kiểm soát không đủ hai phần ba (2/3) tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì trong thời hạn sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, VPBank phải tiến hành bổ sung đủ số lượng thành viên Ban Kiểm soát theo quy định.

<sup>109</sup> Điều 168 Luật Doanh nghiệp; Điều 44 Luật các TCTD; Khoản 3 Điều 282 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

<sup>110</sup> Khoản 4 Điều 4 Mẫu Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát ban hành tại Phụ lục IV Thông tư số 116/2020/TT-BTC

**7. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên Ban Kiểm soát<sup>111</sup>:**

- a) Từ 21 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- b) Thỏa mãn điều kiện quy định tại Điều 26, Điều 27 Điều lệ này;
- c) Có đạo đức nghề nghiệp trên cơ sở tuân thủ quy định tại Điều 32 và Điều 33 Điều lệ này;
- d) Có bằng Đại học hoặc sau Đại học về ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có ít nhất ba (03) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;
- e) Không được giữ các chức vụ quản lý tại VPBank; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của VPBank;
- f) Không phải là người có liên quan của người quản lý VPBank;
- g) Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
- h) Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của VPBank<sup>112</sup>;
- i) Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của VPBank trong ba (03) năm liền trước đó.

**8. Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.****Điều 59. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát<sup>113</sup>**

1. Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ VPBank trong việc quản trị, điều hành VPBank; chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;
2. Ban hành, xây dựng Quy định nội bộ của Ban Kiểm soát theo quy định pháp luật từng thời kỳ. Định kỳ hàng năm, xem xét lại Quy định nội bộ của Ban Kiểm soát, các chính sách quan trọng về kế toán và báo cáo;
3. Cho ý kiến trong trường hợp cần thiết đối với việc lựa chọn tổ chức Kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của VPBank;
4. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.<sup>114</sup>
5. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ<sup>115</sup>;
6. Quyết định cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn và chịu trách nhiệm về các vấn đề liên

<sup>111</sup> Điều 169 Luật Doanh nghiệp; Điều 50 Luật các TCTD, Điều 282 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

<sup>112</sup> Điểm a khoản 3 Điều 282 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

<sup>113</sup> Điều 170 Luật Doanh nghiệp; Điều 45 Luật các TCTD

<sup>114</sup> Khoản 6 Điều 288 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

<sup>115</sup> Khoản 9 Điều 1 của Luật số 17/2017/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các TCTD

- quan đến bộ phận kiểm toán nội bộ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;
7. Thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và hàng năm của VPBank; Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ can trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định của pháp luật từng thời kỳ. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.<sup>116</sup>
  8. Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của VPBank khi thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật. Ban Kiểm soát triển khai thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của các đối tượng nêu trên. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng<sup>117</sup>.
  9. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ VPBank của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả<sup>118</sup>;
  10. Lập danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông lớn và những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của ngân hàng, lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này;
  11. Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường theo quy định tại Điều lệ này;
  12. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai theo quy định về công khai các lợi ích liên quan theo quy định tại Điều lệ và quy định của pháp luật;<sup>119</sup>
  13. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật, của Điều lệ này hoặc vượt quá thẩm quyền được giao và trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này;
  14. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng

<sup>116</sup> Khoản 3 Điều 11 Mẫu Quy chế Tổ chức hoạt động Ban kiểm soát, ban hành kèm thông tư 116/2020/TT-BTC

<sup>117</sup> Khoản 6 Điều 11 Mẫu Quy chế Tổ chức hoạt động Ban kiểm soát, ban hành kèm thông tư 116/2020/TT-BTC

<sup>118</sup> Khoản 2 Điều 288 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

<sup>119</sup> khoản 16 Điều 11 Mẫu Quy chế Tổ chức hoạt động Ban kiểm soát, ban hành kèm thông tư 116/2020/TT-BTC

- quản trị và các cuộc họp khác của VPBank;
15. Thực hiện giám sát đối với bộ phận kiểm toán nội bộ; giám sát, đánh giá việc thực hiện chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của thành viên Ban kiểm soát, kiểm toán nội bộ và các nội dung khác liên quan tới hoạt động giám sát đối với kiểm toán nội bộ theo quy định của Ban kiểm soát;
  16. Ban hành kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm theo đề nghị của Trưởng Kiểm toán nội bộ sau khi tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc;
  17. Phê duyệt báo cáo kết quả tự đánh giá kiểm toán nội bộ và phê duyệt báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ để gửi Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc theo quy định nội bộ của Ban Kiểm soát;
  18. Cử đại diện Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông<sup>120</sup>;
  19. Đảm bảo phối hợp hiệu quả với Kiểm toán độc lập, kiểm toán Nhà nước, Ngân hàng nhà nước;
  20. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của VPBank;
  21. Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ; có quyền sử dụng tư vấn độc lập và quyền được tiếp cận, cung cấp đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành tổ chức tín dụng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;
  22. Định kỳ Hội đồng quản trị thay mặt Đại hội đồng cổ đông thực hiện phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Ngân hàng thì tham khảo ý kiến của Ban kiểm soát;
  23. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của VPBank.
  24. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật có liên quan.

#### **Điều 60. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng Ban Kiểm soát<sup>121</sup>**

1. Tổ chức triển khai việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này;
2. Chuẩn bị chương trình cho các cuộc họp của Ban Kiểm soát trên cơ sở ý kiến đề xuất của thành viên Ban Kiểm soát liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban Kiểm soát;
3. Thay mặt Ban Kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát;
4. Thay mặt Ban Kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường hoặc đề nghị Hội

<sup>120</sup> Khoản 23 Điều 2 Mẫu Quy chế Tổ chức hoạt động Ban kiểm soát, ban hành kèm thông tư 116/2020/TT-BTC

<sup>121</sup> Điều 46 Luật các TCTD.

đồng quản trị họp bất thường theo quy định tại Điều lệ này;

5. Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp<sup>122</sup>
6. Tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị, phát biểu ý kiến nhưng không được quyền biểu quyết. Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng Quản trị nếu ý kiến của mình khác với nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông khi có yêu cầu;
7. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban Kiểm soát;
8. Đảm bảo các thành viên Ban Kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban Kiểm soát phải xem xét;
9. Giám sát, chỉ đạo các thành viên Ban Kiểm soát trong việc thực hiện các công việc được phân công và nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát;
10. Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt;
11. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật.

#### **Điều 61. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Ban Kiểm soát<sup>123</sup>**

1. Tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ của VPBank và quy định nội bộ của Ban Kiểm soát một cách trung thực, thận trọng vì lợi ích của VPBank và cổ đông;
2. Đảm bảo tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp áp dụng cho thành viên của Ban Kiểm soát theo yêu cầu của Pháp luật và các quy định khác của Ban Kiểm soát;
3. Bầu một thành viên Ban kiểm soát làm Trưởng Ban Kiểm soát;
4. Yêu cầu Trưởng Ban Kiểm soát triệu tập họp Ban Kiểm soát bất thường;
5. Kiểm soát các hoạt động kinh doanh, kiểm tra sổ sách kế toán, tài sản, các báo cáo tài chính và kiến nghị khắc phục các sai phạm nếu có;
6. Được quyền yêu cầu cán bộ, nhân viên của VPBank cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công;
7. Báo cáo Trưởng Ban Kiểm soát về các hoạt động tài chính bất thường và chịu trách nhiệm về những đánh giá và kết luận của mình;
8. Tham dự các cuộc họp của Ban Kiểm soát, tham gia góp ý và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó;
9. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật.

<sup>122</sup> Khoản 24 Điều 11 Mẫu Quy chế Tổ chức hoạt động Ban kiểm soát, ban hành kèm thông tư 116/2020/TT-BTC

<sup>123</sup> Điều 47 Luật các TCTD.



**Điều 62. Thông qua quyết định của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Ban kiểm soát có một phiếu biểu quyết.
2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Ban kiểm soát quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp Ban kiểm soát, đồng thời cũng không được nhận uỷ quyền của thành viên Ban kiểm soát khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.
3. Bất kỳ thành viên Ban kiểm soát nào có liên quan đến một hợp đồng được nêu tại Điều 34 Điều lệ này sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng đó.
4. Thành viên Ban kiểm soát nếu theo sự hiểu biết của mình thấy có liên quan dù là trực tiếp hay gián tiếp tới một hợp đồng, một thoả thuận hay một hợp đồng dự kiến hoặc một thoả thuận dự kiến giao kết với VPBank phải khai báo bản chất quyền lợi liên quan với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát để Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát xem xét việc có giao kết các hợp đồng hoặc thoả thuận đó không. Nếu như sau khi Hợp đồng, giao dịch đã được ký kết mới biết về sự tồn tại quyền lợi đó của mình hay trong bất cứ trường hợp nào khác, thành viên đó phải thông báo ngay tại cuộc họp gần nhất của Hội đồng quản trị và cuộc họp gần nhất của Ban kiểm soát sau khi thành viên đó biết được đã có quyền lợi liên quan.

**Điều 63. Cuộc họp và lấy ý kiến bằng văn bản của thành viên Ban kiểm soát**

1. Cuộc họp:
  - a) Ban kiểm soát họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất. Cuộc họp bất thường của Ban kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của:
    - Trưởng Ban kiểm soát;
    - Chủ tịch Hội đồng quản trị;
    - Ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên Hội đồng quản trị;
    - Tổng Giám đốc;
    - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
  - b) Trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của một trong các đối tượng nêu trên, Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban kiểm soát bất thường. Trường hợp, sau hai lần đề nghị liên tiếp mà Trưởng Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp, Hội đồng quản trị và các thành viên Ban kiểm soát phải có ngay văn bản báo cáo Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, Thành phố nơi Ngân hàng đặt trụ sở chính và tiến hành họp Ban kiểm soát để xử lý công việc, đồng thời quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Trưởng Ban Kiểm soát, bầu một thành viên Ban kiểm soát đủ điều kiện giữ chức danh Trưởng Ban kiểm soát và gửi thông báo tới Ngân hàng Nhà nước theo đúng quy định hiện hành, hoặc quyết định tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường để xử lý những tồn tại vướng mắc chưa

thể giải quyết (nếu có).

- c) Cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành sau ba (03) ngày kể từ ngày gửi thông báo cho các thành viên Ban kiểm soát; trường hợp họp bất thường thì thời hạn thông báo có thể ngắn hơn theo quyết định của Trường Ban Kiểm soát. Thông báo về cuộc họp Ban kiểm soát được làm bằng văn bản tiếng Việt, trong đó nêu rõ về chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát không thể trực tiếp dự họp có thể gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản, đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến cho Chủ tọa cuộc họp chậm nhất 01 giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết bằng văn bản này chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những thành viên trực tiếp dự họp.
- d) Cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành khi có từ hai phần ba trở lên số thành viên Ban kiểm soát trực tiếp hoặc thông qua người ủy quyền dự họp. Trường hợp triệu tập họp Ban kiểm soát định kỳ lần đầu nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Trường Ban kiểm soát phải triệu tập tiếp cuộc họp Ban kiểm soát lần hai trong thời gian không quá 15 ngày tiếp theo. Sau hai lần triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát không đủ số thành viên tham dự, Trường Ban kiểm soát phải thông báo cho Hội đồng quản trị biết và đề nghị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn không quá 30 ngày tiếp theo để cổ đông xem xét tư cách của các thành viên Ban kiểm soát không dự họp.
- e) Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.<sup>124</sup>
- f) Biểu quyết:
  - Mỗi thành viên tham dự cuộc họp Ban kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát. Nếu thành viên Ban kiểm soát không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên Ban kiểm soát khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay. Thành viên Ban kiểm soát có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Ban kiểm soát quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên Ban kiểm soát khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.
  - Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua nếu được ít nhất 51% số thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trường Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát được Ban kiểm soát ủy quyền Chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trường Ban kiểm soát vắng mặt hoặc Trường ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp theo đề nghị).

<sup>124</sup> Khoản 2 Điều 289 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

**2. Lấy ý kiến bằng văn bản:**

- a) Trường hợp Ban kiểm soát lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên Ban kiểm soát tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường nếu:
  - Được sự nhất trí bằng văn bản của ít nhất 51% số thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến;
  - Số lượng thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp Ban kiểm soát.
- b) Cuộc họp Ban kiểm soát phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập bằng tiếng Việt và phải được tất cả các thành viên Ban kiểm soát tham dự cuộc họp ký tên và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Biên bản. Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm bố trí lập và gửi Biên bản cuộc họp Ban kiểm soát cho các thành viên Ban kiểm soát và Biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của Biên bản đó trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày gửi Biên bản.

**MỤC V: TỔNG GIÁM ĐỐC****Điều 64. Tổng Giám đốc<sup>125</sup>**

1. Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của VPBank, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao.
2. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Tổng Giám đốc:
  - a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
  - b) Thỏa mãn điều kiện quy định tại Điều 26, Điều 27 Điều lệ này;
  - c) Có đạo đức nghề nghiệp trên cơ sở tuân thủ quy định tại Điều 32 và Điều 33 Điều lệ này;
  - d) Có bằng Đại học hoặc trên Đại học về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật; Có ít nhất 05 năm là người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 năm là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định của Ngân hàng theo quy định của pháp luật và có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính,

<sup>125</sup> Điều 64, Điều 162 Luật Doanh nghiệp; Điều 48, 50 Luật các TCTD.

ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc có ít nhất 10 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán<sup>126</sup>.

e) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm. Tổng Giám đốc có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm điều hành hoạt động hàng ngày của VPBank trong thời gian chờ Ngân hàng Nhà nước chấp thuận danh sách dự kiến người được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc khi nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc đã hết, ngoại trừ trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định khác.

#### **Điều 65. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc<sup>127</sup>**

1. Tổng Giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- a) Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của VPBank;
- b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của VPBank;
- d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của VPBank;
- e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý tại VPBank, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các chức danh khác theo quy định nội bộ;
- f) Quyết định lương, thưởng và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong VPBank, theo thẩm quyền;
- g) Tuyển dụng lao động;
- h) Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận, trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- i) Lập và trình Hội đồng quản trị thông qua hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền thông qua các báo cáo tài chính. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác;
- j) Ban hành theo thẩm quyền quy chế, quy định nội bộ; Thiết lập các quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin báo cáo;
- k) Báo cáo với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động, hiệu quả và kết quả kinh doanh của VPBank theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
- l) Được quyết định áp dụng các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố) và chịu trách nhiệm về những quyết định đó, sau đó phải báo cáo ngay Hội đồng quản trị để giải quyết tiếp;
- m) Kiến nghị, đề xuất cơ cấu tổ chức và hoạt động ngân hàng nhằm nâng cao chất lượng,

<sup>126</sup> Khoản 11, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng 2017.

<sup>127</sup> Điều 162 Luật Doanh nghiệp; Điều 49 Luật các TCTD.

- hiệu quả hoạt động của ngân hàng trình Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông quyết định theo thẩm quyền;
- n) Đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường theo quy định tại Điều lệ này;
  - o) Ký kết hợp đồng nhân danh VPBank theo quy định tại Điều lệ này và các quy định khác có liên quan;
  - p) Thực hiện các nhiệm vụ, công việc do Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phân công, phân cấp, giao cho theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị;
  - q) Xây dựng kế hoạch tài chính cho năm tiếp theo căn cứ vào phương hướng hoạt động kinh doanh, hàng năm và trình Hội đồng quản trị phê duyệt. Căn cứ vào kế hoạch tài chính đã được Hội đồng quản trị phê duyệt, Tổng Giám đốc giao kế hoạch và chỉ tiêu thực hiện cho các đơn vị;
  - r) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.
2. Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của VPBank theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này, hợp đồng lao động ký với VPBank và quyết định của Hội đồng quản trị. Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho VPBank thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho VPBank.

#### **Điều 66. Giúp việc cho Tổng Giám đốc**

Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các Phòng/Ban/Trung tâm tại Hội sở chính; Giám đốc các Chi nhánh và các chức danh khác theo quy định của VPBank.

### **MỤC VI: NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN**

#### **Điều 67. Người lao động và công đoàn**

1. Việc thành lập và hoạt động công đoàn của người lao động tại VPBank thực hiện theo quy định của pháp luật.
2. Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng Quy chế, quy định liên quan đến việc tuyển dụng, thuê lao động, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng - kỷ luật và các vấn đề liên quan đối với người lao động của VPBank cũng như quan hệ giữa VPBank với tổ chức công đoàn, trình Hội đồng quản trị thông qua trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật và phù hợp với quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

### **CHƯƠNG IV:**

## **CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN, THÔNG TIN-BÁO CÁO**

### **MỤC I: CÁC QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 68. Chế độ tài chính, năm tài chính<sup>128</sup>**

1. Chế độ tài chính của VPBank thực hiện theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước và các quy định pháp luật khác có liên quan.
2. Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn về chế độ tài chính, VPBank xây dựng Quy chế tài chính của mình trình Hội đồng quản trị phê duyệt để làm căn cứ thực hiện.
3. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của VPBank chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước các cơ quan quản lý Nhà nước về việc chấp hành chế độ tài chính, kiểm toán, kế toán của VPBank.
4. Năm tài chính của VPBank bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.
5. VPBank tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về hoạt động kinh doanh của mình, thực hiện nghĩa vụ và các cam kết của mình theo quy định của pháp luật.

**Điều 69. Hệ thống kế toán**

1. VPBank sử dụng Hệ thống kế toán theo quy định của Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước và các quy định pháp luật khác có liên quan.
2. VPBank lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Sổ sách kế toán được lập theo loại hình kinh doanh; các sổ sách đó phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch.
3. VPBank sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp VPBank có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.
4. VPBank thực hiện hạch toán theo hệ thống tài khoản kế toán do Ngân hàng Nhà nước quy định.

**Điều 70. Báo cáo<sup>129</sup>**

1. VPBank thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê và báo cáo hoạt động nghiệp vụ định kỳ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
2. Ngoài báo cáo quy định tại khoản 1 Điều này, VPBank báo cáo kịp thời bằng văn bản với Ngân hàng Nhà nước trong các trường hợp sau đây:
  - a) Phát sinh diễn biến không bình thường trong hoạt động nghiệp vụ có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình kinh doanh của VPBank;
  - b) Có thay đổi về tổ chức, quản trị, điều hành, tình hình tài chính của cổ đông lớn và các thay đổi khác có ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh của VPBank;
  - c) Thay đổi tên chi nhánh của VPBank; tạm ngừng hoạt động kinh doanh dưới 05 ngày làm việc; niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán trong nước.

<sup>128</sup> Điều 136 Luật TCTD.

<sup>129</sup> Điều 141, Điều 143 Luật TCTD.

3. Công ty con, công ty liên kết của VPBank gửi báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động của mình cho Ngân hàng Nhà nước khi được yêu cầu.
4. Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, VPBank gửi Ngân hàng Nhà nước các báo cáo hàng năm theo quy định của pháp luật.
5. Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được gửi tới tất cả các cổ đông và đăng trên 01 số báo có phạm vi phát hành trong toàn quốc. Ngoài ra, các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của VPBank phải được công bố trên website của VPBank. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của VPBank và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp<sup>130</sup>.
6. VPBank phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
7. Trong thời hạn 120 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, VPBank phải công khai các báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 71. Kiểm toán độc lập<sup>131</sup>**

1. Trước khi kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải lựa chọn một tổ chức kiểm toán độc lập đủ điều kiện theo quy định của pháp luật để kiểm toán các hoạt động của VPBank trong năm tài chính tiếp theo theo quy định. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập, VPBank phải thông báo cho Ngân hàng Nhà nước về tổ chức kiểm toán độc lập được lựa chọn.
2. Trong quá trình kiểm toán, VPBank có trách nhiệm:
  - a) Cung cấp kịp thời, đầy đủ và trung thực mọi thông tin, tài liệu cần thiết cho việc kiểm toán;
  - b) Phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho kiểm toán viên thực hiện kiểm toán.
3. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác phải hợp, đánh giá kỹ lưỡng về báo cáo kiểm toán và các kiến nghị của kiểm toán độc lập, đưa ra kế hoạch và thời gian biểu thực hiện các kiến nghị của kiểm toán độc lập và theo dõi việc thực hiện kế hoạch đó.
4. Ngân hàng phải thực hiện kiểm toán độc lập lại trong trường hợp báo cáo kiểm toán có ý kiến ngoại trừ của tổ chức kiểm toán độc lập.
5. Việc kiểm toán cụ thể các hoạt động của VPBank được thực hiện theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng, pháp luật về kiểm toán và các quy định pháp luật khác có liên quan.

#### **Điều 72. Sử dụng vốn**

1. VPBank được sử dụng vốn để phục vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư xây dựng, mua sắm

<sup>130</sup> Điều 176 Luật Doanh Nghiệp.

<sup>131</sup> Điều 42 Luật các TCTD, khoản 2 Điều 7 Thông tư 39/2011/TT-NHNN.

- tài sản cố định theo quy định của pháp luật.
- VPBank được quyền thay đổi cơ cấu vốn và tài sản phục vụ cho việc phát triển hoạt động theo quy định của pháp luật.
  - VPBank được điều động vốn và tài sản giữa các Công ty con.

## MỤC II: TRÍCH LẬP CÁC QUỸ VÀ PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

### Điều 73. Trích lập các quỹ

- VPBank được trích lập các quỹ sau:
  - Quỹ dự trữ bổ sung vốn Điều lệ;
  - Quỹ dự phòng tài chính;
  - Quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ;
  - Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm;
  - Quỹ khen thưởng;
  - Quỹ phúc lợi;
  - Các quỹ khác theo quy định nội bộ của VPBank phù hợp với quy định của pháp luật.
- Các vấn đề liên quan đến việc trích lập và sử dụng các quỹ nêu trên được thực hiện theo các quy định của pháp luật và quy định nội bộ của VPBank.

### Điều 74. Chia cổ tức<sup>132</sup>

- Đại hội đồng cổ đông quyết định mức cổ tức hàng năm trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản trị, phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan.
- VPBank chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi có đủ các điều kiện sau:
  - Đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
  - Đã trích lập các quỹ của VPBank và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
  - Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, VPBank vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
- Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo trả cổ tức được gửi bằng phương thức bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải có các nội dung sau đây:
  - Tên, địa chỉ trụ sở chính của VPBank;
  - Họ, tên và địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh

<sup>132</sup> Điều 135 Luật Doanh nghiệp.



- nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;
- c) Số cổ phần từng loại của cổ đông, mức cổ tức với từng loại cổ phần và tổng số cổ tức của cổ đông đó được nhận;
  - d) Thời điểm và phương thức trả cổ tức;
  - e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị VPBank.
4. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của VPBank hoặc bằng tài sản khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ thường trú của cổ đông. Cổ tức có thể được thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi cổ đông đăng ký và cung cấp thông tin tài khoản với VPBank. Trường hợp VPBank đã chuyển khoản theo đúng các thông tin tài khoản mà cổ đông cung cấp thì VPBank không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó.
5. Trường hợp cổ phiếu VPBank được niêm yết tại Sở/Trung tâm giao dịch chứng khoán, việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phần đã niêm yết có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán, Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán.
6. VPBank sẽ không trả lãi suất cho bất cứ cổ tức hay một khoản tiền nào khác có thể được chi trả liên quan tới một cổ phiếu.
7. Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức và thời điểm trả cổ tức, thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức.
8. Hội đồng quản trị có thể quyết định cho tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc tạm ứng này phù hợp với tình hình kinh doanh, lợi nhuận của VPBank và các quy định pháp luật có liên quan.

### MỤC III: CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO

#### Điều 75. Thông tin và bảo mật thông tin<sup>133</sup>

- 1. VPBank cung cấp thông tin cho chủ tài khoản về giao dịch và số dư trên tài khoản của chủ tài khoản theo thỏa thuận với chủ tài khoản.
- 2. VPBank cung cấp cho Ngân hàng Nhà nước thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh và được Ngân hàng Nhà nước cung cấp thông tin của khách hàng có quan hệ tín dụng với VPBank theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
- 3. VPBank được trao đổi thông tin với các tổ chức tín dụng khác về hoạt động của Ngân hàng.

<sup>133</sup> Điều 13, Điều 14 Luật các TCTD.

4. Nhân viên, Người quản lý, Người điều hành của VPBank không được tiết lộ bí mật kinh doanh của Ngân hàng.
5. VPBank phải bảo đảm bí mật thông tin liên quan đến tài khoản, tiền gửi, tài sản gửi và các giao dịch của Khách hàng tại VPBank.
6. VPBank không được cung cấp thông tin liên quan đến tài khoản, tiền gửi, tài sản gửi, các giao dịch của Khách hàng tại VPBank cho tổ chức, cá nhân khác, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của Khách hàng.

#### **Điều 76. Báo cáo và công bố thông tin ra công chúng**

1. VPBank phải lập và gửi các báo cáo định kỳ hoặc đột xuất cho Ngân hàng Nhà nước, Ủy ban chứng khoán Nhà nước và các cơ quan hữu quan khác theo đúng quy định của pháp luật.
2. VPBank có trách nhiệm cung cấp thông tin cho các cơ quan Nhà nước, công bố thông tin ra công chúng theo đúng các quy định pháp luật.

#### **Điều 77. Chế độ lưu giữ tài liệu<sup>134</sup>**

1. VPBank phải lưu giữ các tài liệu sau đây tại Trụ sở chính của VPBank:
  - a) Điều lệ VPBank, bao gồm cả các văn bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
  - b) Quy chế quản lý nội bộ của VPBank;
  - c) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; các giấy phép và giấy chứng nhận khác (nếu có);
  - d) Tài liệu, giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của VPBank;
  - e) Phiếu biểu quyết, Biên bản kiểm phiếu, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; các quyết định của VPBank;<sup>135</sup>
  - f) Bản cáo bạch để phát hành chứng khoán (nếu có);
  - g) Báo cáo của Ban kiểm soát, kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập;
  - h) Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hằng năm;
  - i) Các tài liệu khác theo quy định của pháp luật.
2. Thời hạn, cách thức lưu giữ các tài liệu nêu trên thực hiện theo quy định pháp luật.
3. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện việc lưu giữ, quản lý hồ sơ, tài liệu tại VPBank theo đúng quy định tại Điều lệ này và các quy định pháp luật có liên quan.

### **CHƯƠNG V:**

### **GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN**

<sup>134</sup> Điều 11 Luật Doanh nghiệp 2020.

<sup>135</sup> Điểm d Điều 11 Luật doanh nghiệp 2020

**Điều 78. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Tranh chấp nội bộ là các tranh chấp, khiếu nại giữa Cổ đông với VPBank, giữa Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hoặc những người quản lý khác của VPBank có liên quan đến tới tổ chức, hoạt động của VPBank hoặc liên quan tới các quyền của cổ đông quy định tại Điều lệ này và/hoặc các văn bản pháp luật có liên quan.
2. Khi tranh chấp nội bộ phát sinh, trước hết, các bên tranh chấp phải cùng nhau giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải, trên cơ sở tôn trọng quyền lợi của nhau và tuân thủ quy định của pháp luật. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng hai mươi một ngày làm việc kể từ ngày phát sinh tranh chấp. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào đều có thể yêu cầu cơ quan có thẩm quyền để giải quyết. Mỗi bên tự chịu các chi phí của mình phát sinh trong quá trình hòa giải.
3. Trường hợp không thể hòa giải được trong vòng trong vòng mười (10) tuần kể từ khi bắt đầu quá trình hoà giải, các bên có quyền đưa tranh chấp đó ra giải quyết tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật. Bên phải chịu án phí do Tòa án quyết định phù hợp với quy định của pháp luật.

**Điều 79. Tổ chức lại<sup>136</sup>**

1. Việc tổ chức lại VPBank theo các hình thức chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hoặc các hình thức khác được thực hiện theo các quy định của pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông quyết định việc tổ chức lại VPBank.

**Điều 80. Giải thể<sup>137</sup>**

1. VPBank bị giải thể trong các trường hợp sau:
  - a) VPBank tự nguyện xin giải thể nếu có khả năng thanh toán hết nợ và phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận;
  - b) Khi hết hạn hoạt động mà VPBank không xin gia hạn giấy phép hoạt động hoặc xin gia hạn nhưng không được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận;
  - c) VPBank không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn 06 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;
  - d) VPBank bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;
  - e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc thanh lý khi giải thể được VPBank thực hiện dưới sự giám sát của Ngân hàng Nhà nước.
3. Điều kiện, thủ tục và các vấn đề khác liên quan đến việc giải thể VPBank thực hiện theo

<sup>136</sup> Điều 198 đến Điều 205 Luật Doanh nghiệp; Điều 153 Luật các TCTD

<sup>137</sup> Điều 207 đến Điều 211 Luật Doanh nghiệp; Điều 154 Luật các TCTD.

các quy định pháp luật có liên quan.

### **Điều 81. Áp dụng can thiệp sớm**

1. Ngân hàng Nhà nước xem xét áp dụng can thiệp sớm khi VPBank lâm vào một trong các trường hợp sau đây nhưng chưa được đặt vào kiểm soát đặc biệt theo quy định tại Điều 82 Điều lệ này:
  - a) Không duy trì được tỷ lệ khả năng chi trả trong thời gian 03 tháng liên tục;
  - b) Không duy trì được tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu 8% hoặc tỷ lệ cao hơn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ;
  - c) Xếp hạng dưới mức trung bình theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
2. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản áp dụng can thiệp sớm của Ngân hàng Nhà nước, VPBank phải báo cáo Ngân hàng Nhà nước thực trạng, nguyên nhân, phương án khắc phục tình trạng quy định tại Khoản 1 Điều này và tổ chức triển khai thực hiện. Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu VPBank điều chỉnh phương án khắc phục nếu xét thấy cần thiết. Thời hạn thực hiện phương án khắc phục tối đa là 01 (một) năm, kể từ ngày có văn bản áp dụng can thiệp sớm của Ngân hàng Nhà nước.
3. Phương án khắc phục bao gồm một hoặc một số biện pháp sau đây:
  - a) Thu hẹp nội dung, phạm vi hoạt động, hạn chế các giao dịch lớn;
  - b) Tăng vốn điều lệ, vốn được cấp; tăng cường nắm giữ tài sản có tính thanh khoản cao; bán, chuyển nhượng tài sản và thực hiện các giải pháp khác để đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng;
  - c) Hạn chế chi trả cổ tức, phân phối lợi nhuận;
  - d) Cắt giảm chi phí hoạt động, chi phí quản lý; hạn chế thù lao, lương, thưởng đối với người quản lý, người điều hành;
  - e) Tăng cường quản trị rủi ro; tổ chức lại bộ máy quản lý, cắt giảm nhân sự;
  - f) Các biện pháp khác theo quy định của pháp luật.
4. Trường hợp VPBank không xây dựng được phương án khắc phục theo quy định tại Khoản 2 Điều này hoặc hết thời hạn thực hiện phương án mà không khắc phục được tình trạng quy định tại Khoản 1 Điều này thì tùy theo tính chất, mức độ rủi ro, Ngân hàng Nhà nước yêu cầu VPBank thực hiện một hoặc một số biện pháp quy định tại Khoản 3 Điều này.
5. Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấm dứt áp dụng can thiệp sớm sau khi VPBank khắc phục được tình trạng quy định tại Khoản 1 Điều này hoặc khi VPBank được đặt vào kiểm soát đặc biệt.

### **Điều 82. Kiểm soát đặc biệt và phá sản<sup>138</sup>**

1. Khi có nguy cơ mất khả năng chi trả cho khách hàng của mình, VPBank phải báo cáo ngay với Ngân hàng Nhà nước về thực trạng tài chính, nguyên nhân và các biện pháp đã

<sup>138</sup> Điều 214 Luật Doanh nghiệp; Điều 146, Điều 155 Luật các TCTD.

- áp dụng, dự kiến áp dụng để khắc phục, để Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định áp dụng hay không áp dụng Kiểm soát đặc biệt.
2. VPBank có thể bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt trong những trường hợp sau:
    - a) Có nguy cơ mất khả năng chi trả;
    - b) Nợ không có khả năng thu hồi có nguy cơ mất khả năng thanh toán;
    - c) Số lỗ lũy kế của ngân hàng lớn hơn 50% tổng số vốn điều lệ thực có và các quỹ dự trữ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
    - d) Hai năm liên tục bị xếp loại yếu kém theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;
    - e) Không duy trì được tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu 8% hoặc tỷ lệ khác cao hơn theo quy định của Ngân hàng nhà nước trong từng thời kỳ trong thời hạn một năm liên tục hoặc tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu thấp hơn 4% trong thời hạn 06 tháng liên tục.
  3. Các nội dung khác liên quan đến thủ tục kiểm soát đặc biệt VPBank thực hiện theo các quy định pháp luật có liên quan.
  4. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước đã có văn bản về việc chấm dứt kiểm soát đặc biệt hoặc văn bản không áp dụng hoặc chấm dứt áp dụng các biện pháp phục hồi khả năng thanh toán của VPBank mà VPBank vẫn lâm vào tình trạng phá sản, thì VPBank phải làm đơn yêu cầu Tòa án mở thủ tục giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản. Các nội dung liên quan đến việc giải quyết phá sản VPBank được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

## CHƯƠNG VI:

### ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

#### Điều 83. Hiệu lực của Điều lệ

1. Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 29 tháng 04 năm 2021. Điều 8 về vốn điều lệ được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 28 tháng 07 năm 2021.
2. Điều lệ của VPBank đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 29/05/2020, (bao gồm cả các sửa đổi, bổ sung bản Điều lệ này) hết hiệu lực kể từ ngày Điều lệ này có hiệu lực.
3. Các vấn đề chưa được đề cập trong Điều lệ này sẽ được thực hiện theo các quy định của pháp luật có liên quan. Khi có nội dung nào của Điều lệ này trái với các quy định của pháp luật, thì đương nhiên hết hiệu lực thi hành và VPBank sẽ tự động áp dụng quy định của pháp luật tương ứng.

#### Điều 84. Điều khoản cuối cùng

1. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của VPBank.
2. Điều lệ này gồm 06 chương, 84 điều, được lập thành 10 bản chính, có giá trị như nhau, trong đó:
  - a) Một bản nộp cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước;

- b) Hai bản nộp cho Ngân hàng Nhà nước;
  - c) Năm bản đăng ký tại cơ quan chức năng khác theo quy định của pháp luật;
  - d) Hai bản lưu giữ lại VPBank.
3. Các bản sao hoặc trích lục của bản Điều lệ này thực hiện theo quy định của VPBank và pháp luật có liên quan.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA VPBANK  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**Ngô Chí Dũng**

